

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP.HCM  
KHOA TÀI CHÍNH  
BỘ MÔN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

# THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH VÀ CÁC ĐỊNH CHẾ TÀI CHÍNH

FINANCIAL MARKETS AND INSTITUTIONS

## Chương 6 : Các định chế tài chính

- 6.1. Quỹ đầu tư
- 6.2. Công ty bảo hiểm
- 6.3. Ngân hàng trung gian
- 6.4. Công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ
- 6.5. Công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính

### 6.1. QUỸ ĐẦU TƯ

- KHÁI NIỆM VÀ VAI TRÒ CỦA QUỸ ĐẦU TƯ
- CÁC LOẠI HÌNH QUỸ ĐẦU TƯ
- CƠ CẤU TỔ CHỨC QUỸ ĐẦU TƯ
- HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ

1

---

---

---

---

---

---

---

---

2

---

---

---

---

---

---

---

---

3

---

---

---

---

---

---

---

---

### QUỸ ĐẦU TƯ

Quỹ đầu tư (Investment Fund) còn được biết đến với những tên gọi khác như :

- ✓ Công ty đầu tư (Investment Company)
- ✓ Tổ chức tín thác đầu tư (Investment Trust)
- ✓ Quỹ hỗ tương (Mutual Fund)(\*)

(\*) Quỹ hỗ tương là một loại hình của quỹ đầu tư, nhưng cho sự phổ biến của nó, nên thuật ngữ "mutual fund" được dùng để gọi chung về quỹ đầu tư

4

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

### Investment Company- 2013 Fact at a Glance

<b>Total worldwide assets invested in mutual funds</b>	<b>\$30.0 trillion</b>
<b>U.S. investment company total net assets</b>	<b>\$17.1 trillion</b>
Mutual funds	\$15.0 trillion
Exchange-traded funds	\$1.7 trillion
Closed-end funds	\$279 billion
Unit investment trusts	\$87 billion
<b>U.S. investment companies' share of:</b>	
U.S. corporate equity	29%
U.S. municipal securities	25%
Commercial paper	45%
U.S. government securities	11%
<b>U.S. household ownership of mutual funds</b>	
Number of households owning mutual funds	56.7 million
Number of individuals owning mutual funds	96.2 million
Percentage of households owning mutual funds	46.3%
Median mutual fund assets of fund-owning households	\$100,000
Median number of mutual funds owned	3

Sources : ICI Factbook 2014

5

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

### KHÁI NIỆM VÀ VAI TRÒ QUỸ ĐẦU TƯ

- Khái niệm quỹ đầu tư
- Vai trò của quỹ đầu tư

6

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---



### Khái niệm Quỹ đầu tư

Quỹ đầu tư /công ty đầu tư là một trung gian tài chính, nó thực hiện việc bán cổ phần cho công chúng và đầu tư số tiền thu được vào một danh mục đầu tư chứng khoán đa dạng. Mỗi cổ phần phát hành đại diện cho một tỷ lệ lợi ích của danh mục đầu tư chứng khoán mà quỹ đầu tư thay mặt cho các nhà đầu tư quản lý. Loại chứng khoán mà quỹ thực hiện đầu tư phụ thuộc vào mục tiêu đầu tư cụ thể của quỹ.

*(Fabozzi, Modigliani, Foundation of Financial Market and Institution, 2009)*

7

7

---

---

---

---

---

---

---

---



### Khái niệm quỹ đầu tư

Quỹ đầu tư là một tập hợp các khoản tiền vốn từ những nhà đầu tư được hình thành từ việc phát hành các chứng chỉ huy động vốn (chứng chỉ quỹ đầu tư) để đầu tư vào các công cụ trên thị trường tài chính.

*(Giáo trình Những vấn đề cơ bản về Chứng khoán và Thị trường chứng khoán - Trung tâm NCKH và Đào Tạo Chứng Khoán - UBCKNN, 2009).*

8

8

---

---

---

---

---

---

---

---



### Khái niệm quỹ đầu tư

**Quỹ đầu tư chứng khoán** là quỹ hình thành từ vốn góp của nhà đầu tư với mục đích kiếm lợi nhuận từ việc đầu tư vào chứng khoán hoặc các dạng tài sản đầu tư khác, kể cả bất động sản, trong đó nhà đầu tư không có quyền kiểm soát hàng ngày đối với việc ra quyết định đầu tư của quỹ.

*( Luật Chứng Khoán 2007 )*

9

9

---

---

---

---

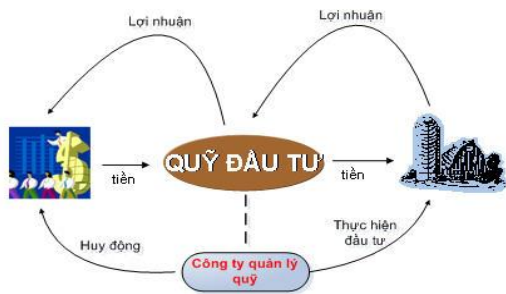
---

---

---

---

### Khái niệm quỹ đầu tư



10

---

---

---

---

---

---

---

---

### Vai trò của quỹ đầu tư

#### ○ Lợi ích đối với nhà đầu tư

- ✓ Giảm thiểu rủi ro nhờ đa dạng hoá danh mục đầu tư
- ✓ Quản lý chuyên nghiệp
- ✓ Giảm chi phí hoạt động
- ✓ Tăng khả năng tiếp cận cơ hội đầu tư
- ✓ Tăng tính thanh khoản

11

11

---

---

---

---

---

---

---

---

### Vai trò của quỹ đầu tư

#### ○ Vai trò đối với nền kinh tế và TTCK

- ✓ Tạo phương thức huy động vốn đa dạng qua TTCK.
- ✓ Góp phần phát triển thị trường sơ cấp, tạo hàng hoá cho TTCK.
- ✓ Gia tăng nguồn cầu đầu tư, góp phần ổn định thị trường thứ cấp.
- ✓ Cung cấp cơ hội đầu tư cho các nhà đầu tư nhỏ lẻ, xã hội hoá hoạt động đầu tư chứng khoán.

12

12

---

---

---

---

---

---

---

---

Các loại hình quỹ đầu tư

- 1. Căn cứ vào nguồn vốn huy động :
  - Quỹ đại chúng (Public Fund )
  - Quỹ thành viên (Member Fund )
- 2. Căn cứ vào hình thức pháp lý của quỹ :
  - Quỹ đầu tư dạng công ty .
  - Quỹ đầu tư dạng hợp đồng (Tin thác)
- 3. Căn cứ vào cấu trúc vận động của vốn
  - Quỹ đầu tư dạng mở ( Open – end - Fund )
  - Quỹ đầu tư dạng đóng ( Closed – end - Fund )

13

13

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

PHÂN LOẠI QUỸ ĐẦU TƯ

- 4. Căn cứ vào công cụ đầu tư
  - ✓ Quỹ đầu tư cổ phiếu (Stock Fund )
  - ✓ Quỹ đầu tư trái phiếu (Bond Fund )
  - ✓ Quỹ thị trường tiền tệ (Money Market Fund )
  - ✓ Quỹ cổ phần riêng lẻ (Private Equity Fund)
- 5. Căn cứ vào mục tiêu đầu tư
  - ✓ Quỹ tăng trưởng ( Growth Fund )
  - ✓ Quỹ thu nhập ( Income Fund )
  - ✓ Quỹ cân bằng ( Balance Fund )
  - ✓ Quỹ đầu tư mạo hiểm( Aggressive Growth Fund )

14

14

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

Các loại hình quỹ đầu tư tại Việt Nam

- Quỹ đầu tư chứng khoán bao gồm quỹ đại chúng và quỹ thành viên.
- Quỹ đại chúng bao gồm quỹ mở và quỹ đóng.
- Công ty đầu tư chứng khoán là quỹ đầu tư chứng khoán được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần.
- Công ty đầu tư chứng khoán có hai hình thức: Công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng

15

15

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

**PHÂN LOẠI QUỸ NHÀ TƯ**

- **Quỹ đại chúng** là quỹ đầu tư chứng khoán thực hiện chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng.
- **Quỹ thành viên** là quỹ đầu tư chứng khoán có số thành viên tham gia góp vốn không vượt quá ba mươi thành viên và chỉ bao gồm thành viên là pháp nhân.  
*(Luật chứng khoán 2007)*

16

16

---

---

---

---

---

---

---

---

**Các loại hình quỹ đầu tư tại Việt Nam**

- **Quỹ mở** là quỹ đại chúng mà chứng chỉ quỹ đã chào bán ra công chúng phải được mua lại theo yêu cầu của nhà đầu tư.
- **Quỹ đóng** là quỹ đại chúng mà chứng chỉ quỹ đã chào bán ra công chúng không được mua lại theo yêu cầu của nhà đầu tư.  
*( Luật Chứng Khoán 2007 )*

17

17

---

---

---

---

---

---

---

---

**Các loại hình quỹ đầu tư tại Việt Nam**

- Công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ là công ty đầu tư chứng khoán có tối đa 99 cổ đông, trong đó giá trị vốn góp đầu tư của cổ đông tổ chức tối thiểu phải là 03 tỷ đồng và của cá nhân tối thiểu phải là 01 tỷ đồng;
- Công ty đầu tư chứng khoán đại chúng là công ty đầu tư chứng khoán thực hiện việc chào bán cổ phiếu ra công chúng.

18

18

---

---

---

---

---

---

---

---



### Quỹ đầu tư chứng khoán tại Việt Nam

- o Việc thành lập và chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng của quỹ đại chúng do công ty quản lý quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 90 của Luật này và phải đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- o Việc thành lập quỹ thành viên do công ty quản lý quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 95 của Luật này và phải báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước.
- o Công ty đầu tư chứng khoán đại chúng phải ủy thác vốn cho một công ty quản lý quỹ quản lý.
- o Công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ được tự quản lý vốn đầu tư hoặc ủy thác vốn cho một công ty quản lý quỹ quản lý.

19

19

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---



### Các loại hình quỹ đầu tư tại Việt Nam

- o *Quỹ hoán đổi danh mục (Exchange-Traded Fund), gọi tắt là quỹ ETF, là một loại hình quỹ mở, hình thành từ việc tiếp nhận, hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ quỹ. Chứng chỉ quỹ ETF được niêm yết và giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán.*
- o *Quỹ đầu tư bất động sản* là quỹ đầu tư chứng khoán được đầu tư chủ yếu vào bất động sản.
- o *Công ty đầu tư chứng khoán bất động sản là quỹ đầu tư bất động sản* được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần đại chúng theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, được cấp phép và hoạt động theo quy định của pháp luật về chứng khoán

20

20

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---



### TỔ CHỨC CỦA QUỸ ĐẦU TƯ ĐẠI CHÚNG ( DẠNG HỢP ĐỒNG )

Trong mô hình quỹ đầu tư các bên tham gia vào hoạt động của quỹ thường bao gồm

1. Nhà đầu tư
2. Công ty quản lý quỹ
3. Ngân hàng giám sát

21

21

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

**Nhà đầu tư**

**❖ Quyền của nhà đầu tư :**

- Hưởng lợi từ hoạt động đầu tư của quỹ đầu tư chứng khoán tương ứng với tỷ lệ vốn góp;
- Hưởng các lợi ích và tài sản được chia hợp pháp từ việc thanh lý tài sản quỹ đầu tư chứng khoán;
- Yêu cầu công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát mua lại chứng chỉ quỹ mở;
- Khởi kiện công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoặc tổ chức liên quan nếu tổ chức này vi phạm quyền và lợi ích hợp pháp của mình;
- Thực hiện quyền của mình thông qua Đại hội nhà đầu tư;
- Chuyển nhượng chứng chỉ quỹ theo quy định tại Điều lệ quỹ đầu tư chứng khoán;
- Các quyền khác quy định tại Điều lệ quỹ đầu tư chứng khoán.

**( Luật Chứng Khoán )** <sup>22</sup>

22

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

**Nhà đầu tư**

**❖ Nghĩa vụ của nhà đầu tư :**

- Chấp hành quyết định của Đại hội nhà đầu tư;
- Thanh toán đủ tiền mua chứng chỉ quỹ;
- Các nghĩa vụ khác quy định tại Điều lệ quỹ đầu tư chứng khoán.

23

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

**Nội hàm nội quy nhà đầu tư**

**❖ Đại hội nhà đầu tư quỹ đầu tư chứng khoán gồm tất cả các nhà đầu tư, là cơ quan quyết định cao nhất của quỹ đầu tư chứng khoán.**

**❖ Đại hội nhà đầu tư quỹ đầu tư chứng khoán có các quyền và nhiệm vụ cơ bản như sau :**

- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và thành viên Ban đại diện quỹ đầu tư chứng khoán;
- Thay đổi mức phí trả cho công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát;
- Xem xét và xử lý vi phạm của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và Ban đại diện quỹ gây tổn thất cho quỹ đầu tư chứng khoán;
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ quỹ đầu tư chứng khoán, Hợp đồng giám sát;

**( Theo luật Chứng khoán )**

24

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---



**Nhãĩ hoãĩ ngõõõĩ ñããũ tũ :**

- o Quyãt ñĩnh viãc niãm yãt chũng chỉ quỹ ñĩng;
- o Quyãt ñĩnh cãc thay ñĩi cơ bãn trong chính sãch ñãu tư, phõng ăn phãn phõĩ lĩi nhuãn, mục tiãu ñãu tư củã quỹ ñãu tư chũng khoãn và giãĩ thãĩ quỹ ñãu tư chũng khoãn;
- o Quyãt ñĩnh thay ñĩi công ty quản lý quỹ, ngân hàng giãĩm sãt;
- o Thõng qua cãc bão cão về tình hình tài chính, tài sãn và hoãt ñĩng hàng nãm củã quỹ ñãu tư chũng khoãn;
- o Thõng qua viãc lựa chõn tổ chũc kiãm toãn ñũc chãp thuãn ñãĩ kiãm toãn bão cão tài chính hàng nãm củã quỹ ñãu tư chũng khoãn;

*( Theo luật chũng khoãn )*

25

25

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

**Ban ñãĩ dieãĩn quỹ**

- o Ban ñãĩ dieãĩn quỹ ñãĩ chũng ñãĩ dieãĩn cho quyãn lĩi củã nhã ñãu tư, do ñãĩ hõĩ nhã ñãu tư bãu.
- o Quyãt ñĩnh củã Ban ñãĩ dieãĩn quỹ ñãĩ chũng ñũc thõng qua bãng biãu quyãt tãĩ cuõc hõp, lãĩ ý kiãĩn bãng vãn bãn hoãc bãng hình thũc khãc theo quy ñĩnh tãĩ ñĩu lãĩ quỹ ñãu tư chũng khoãn. Mõĩ thãnh viãĩn Ban ñãĩ dieãĩn quỹ ñãĩ chũng cũũ phiãũ biãu quyãt.
- o Ban ñãĩ dieãĩn quỹ ñãĩ chũng cũũ tũ bã ñãĩn mũĩi thãnh viãĩn, trong ñũ cũũ ít nhãĩt hãĩi phãn bã sũ thãnh viãĩn Ban ñãĩ dieãĩn quỹ là thãnh viãĩn ñũc lãp, khõng phãĩ là ngũõĩ cũũ liãĩn quan củã công ty quản lý quỹ và ngân hàng giãĩm sãt.

26

26

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

**CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**

- o Thõng thõng bãn ñãũ CTQLQ sẽ thiãt kãĩ cãc ñãc ñĩĩm cơ bãn củã QĐT, tiãĩn hãĩn viãc chũãn bị cãc tài liãũ hõ sũ thủ tũc phãp lý, ñãĩng ký chào bãn chũng chỉ quỹ ra công chũng võĩ UBCKNN, thực hiãĩn viãc phãt hãĩn chũng chỉ quỹ ra công chũng nhãĩm hũy ñĩng võn.
- o CTQLQ cũũ chũc năng quản lý, ñĩu hãĩn quỹ, thực hiãĩn viãc ñãu tư tài sãn củã quỹ theo ñũng cãc quy ñĩnh củã phãp luật và ñĩu lãĩ củã quỹ.

27

27

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

### Trách nhiệm của công ty quản lý quỹ

- Công ty quản lý quỹ là đại diện theo ủy quyền của khách hàng ủy thác, thay mặt cho khách hàng ủy thác để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của khách hàng ủy thác một cách trung thực và cẩn trọng.
- Được hưởng mức phí phù hợp
- Ký hợp đồng giám sát với ngân hàng giám sát đối với quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

28

28

---

---

---

---

---

---

---

---

### Trách nhiệm của công ty QLQ

- Thực hiện hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán theo quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ đầu tư chứng khoán.
- Thực hiện việc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ đầu tư chứng khoán theo quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ đầu tư chứng khoán.

29

29

---

---

---

---

---

---

---

---

### NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

- Ngân hàng giám sát là ngân hàng thương mại có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán có chức năng thực hiện các dịch vụ lưu ký và giám sát việc quản lý quỹ đại chúng. NHGS có các nghĩa vụ cơ bản như:
- Thực hiện lưu ký tài sản của quỹ đại chúng, quản lý tách biệt tài sản của quỹ đại chúng và các tài sản khác của ngân hàng giám sát;
- Giám sát để bảo đảm công ty quản lý quỹ quản lý tài sản của quỹ tuân thủ quy định tại Luật chứng khoán và Điều lệ quỹ đầu tư chứng khoán,

30

30

---

---

---

---

---

---

---

---

**NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**

- Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi phát hiện công ty quản lý quỹ, tổ chức, cá nhân có liên quan vi phạm pháp luật hoặc điều lệ quỹ đầu tư chứng khoán.
- Thực hiện hoạt động thu, chi, thanh toán và chuyển giao tiền, chứng khoán liên quan đến hoạt động của quỹ đại chúng theo yêu cầu hợp pháp của công ty quản lý quỹ.
- Ngân hàng giám sát chịu trách nhiệm kiểm tra và giám sát việc định giá tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ do Công ty quản lý quỹ thực hiện.

31

31

---

---

---

---

---

---

---

---

**CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ**

- Huy động vốn
- Hoạt động đầu tư
- Doanh thu và chi phí của QĐT.
- Xác định giá trị tài sản ròng và báo cáo tài chính của quỹ đầu tư.

32

32

---

---

---

---

---

---

---

---

**HUY ĐỘNG VỐN**

- Quỹ thành viên
- Quỹ đại chúng
- Công ty đầu tư chứng khoán đại chúng
- Công ty đầu tư chứng khoán thành viên

33

33

---

---

---

---

---

---

---

---

### Quỹ thành viên

- Quỹ thành viên do các thành viên góp vốn thành lập trên cơ sở hợp đồng góp vốn và Điều lệ quỹ.
- Việc thành lập quỹ thành viên phải đáp ứng các điều kiện sau đây:
  - ✓ Vốn góp tối thiểu là năm mươi tỷ đồng Việt Nam;
  - ✓ Có tối đa ba mươi thành viên góp vốn và chỉ bao gồm thành viên là pháp nhân;
  - ✓ Do một công ty quản lý quỹ quản lý;
  - ✓ Tài sản của quỹ thành viên được lưu ký tại một ngân hàng lưu ký độc lập với công ty quản lý quỹ.

**(Luật Chứng khoán)**

34

34

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

### Quỹ đại chúng

- Việc huy động vốn của quỹ đại chúng được công ty quản lý quỹ thực hiện trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng có hiệu lực. Quỹ đại chúng được thành lập nếu có ít nhất một trăm nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp mua chứng chỉ quỹ và tổng giá trị chứng chỉ quỹ đã bán đạt ít nhất là năm mươi tỷ đồng Việt Nam.
- Toàn bộ vốn góp của nhà đầu tư phải được phong tỏa tại một tài khoản riêng đặt dưới sự kiểm soát của ngân hàng giám sát và không được sử dụng cho đến khi hoàn tất đợt huy động vốn.
- Trường hợp việc huy động vốn của quỹ đại chúng không đáp ứng quy định thì công ty quản lý quỹ phải hoàn trả cho nhà đầu tư mọi khoản tiền đã đóng góp trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc việc huy động vốn. **(Luật Chứng khoán)**

35

35

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

### Điều kiện phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng

- Giá trị chứng chỉ quỹ đăng ký chào bán ít nhất 50 (năm mươi) tỷ đồng Việt Nam;
- Có phương án phát hành và phương án đầu tư số vốn thu được từ đợt chào bán chứng chỉ quỹ;
- Có quy trình nghiệp vụ quản lý quỹ, quy trình kiểm soát nội bộ, quy trình quản lý rủi ro phù hợp.

(Luật chứng khoán 2007)

36

36

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

**Điều kiện phát hành chứng chỉ quỹ cho những lần tiếp theo**

- o Điều lệ Quỹ có quy định về việc tăng vốn của Quỹ;
- o Lợi nhuận của Quỹ trong năm liền trước năm đề nghị tăng vốn phải là số dương;
- o Công ty quản lý quỹ không bị xử phạt vi phạm hành chính về hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán trong thời hạn hai (02) năm, tính đến thời điểm tăng vốn;
- o Phương án phát hành thêm chứng chỉ quỹ và phương án đầu tư số vốn thu được phải được Đại hội nhà đầu tư thông qua.  
(Luật chứng khoán 2007)

37

37

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

**Công ty đầu tư chứng khoán đại chúng**

Điều kiện cấp giấy phép thành lập và hoạt động của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng bao gồm:

- ✓ Có vốn thực góp tối thiểu là 50 tỷ đồng Việt Nam;
- ✓ Có tối thiểu một trăm (100) cổ đông, không kể cổ đông là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp;
- ✓ Do một công ty quản lý quỹ quản lý;
- ✓ Tài sản được lưu ký tại ngân hàng giám sát;
- ✓ Tối thiểu hai phần ba (2/3) số thành viên hội đồng quản trị phải độc lập với công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát theo quy định.

**(Nghị định 58/2012/NĐ-CP)**

38

38

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

**Công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ**

Điều kiện cấp giấy phép thành lập và hoạt động công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ ủy thác quản lý vốn bao gồm

- ✓ Có vốn thực góp tối thiểu là 50 tỷ đồng Việt Nam;
- ✓ Do một công ty quản lý quỹ quản lý;
- ✓ Tài sản được lưu ký tại ngân hàng giám sát;
- ✓ Tối thiểu hai phần ba (2/3) số thành viên hội đồng quản trị phải độc lập với công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát theo quy định.
- ✓ Có tối đa là chín mươi chín (99) cổ đông, không tính nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp. Trong đó, mỗi cổ đông là tổ chức phải góp tối thiểu là 03 tỷ đồng Việt Nam và cổ đông cá nhân phải góp tối thiểu 01 tỷ đồng Việt Nam.

**(Nghị định 58/2012/NĐ-CP)**

39

39

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

### Hoạt động đầu tư

- o Hoạt động đầu tư của quỹ đầu tư chứng khoán bao gồm 2 phần
- ✓ Xây dựng chính sách chung về hoạt động đầu tư bao gồm: Mục tiêu đầu tư, danh mục đầu tư của quỹ, chính sách phân bổ tài sản, các hạn chế đầu tư.
- ✓ Quy trình đầu tư vào các tài sản cụ thể

40

40

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

### Danh mục đầu tư của quỹ đóng

- o Danh mục đầu tư của quỹ đóng phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định tại điều lệ quỹ và công bố tại bản cáo bạch.
- o Quỹ đóng được phép đầu tư vào các loại tài sản sau đây tại Việt Nam:
- ✓ Gửi tiền tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
- ✓ Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định trong lĩnh vực ngân hàng;
- ✓ Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- ✓ Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao chứng khoán của Việt Nam;
- ✓ Cổ phiếu chưa niêm yết, cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch của công ty đại chúng; trái phiếu chưa niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; cổ phiếu của công ty cổ phần, phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn;
- ✓ Các chứng khoán và tài sản khác theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

41

41

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

### Các hạn chế đầu tư

- o Công ty quản lý quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của quỹ đầu tư chứng khoán để thực hiện các hoạt động sau đây:
- ✓ Đầu tư vào chứng chỉ quỹ của chính quỹ đại chúng đó hoặc của một quỹ đầu tư khác;
- ✓ Đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười lăm phần trăm tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó;
- ✓ Đầu tư quá hai mươi phần trăm tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành;
- ✓ Đầu tư quá mười phần trăm tổng giá trị tài sản của quỹ đóng vào bất động sản; đầu tư vốn của quỹ mở vào bất động sản; Đầu tư quá ba mươi phần trăm tổng giá trị tài sản của quỹ đại chúng vào các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau;
- ✓ Cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào.

42

42

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

**THIẾT KẾ QUỸ THEO MỤC TIÊU ĐẦU TƯ**

STYLE			SIZE
VALUE	BLEND	GROWTH	
Large Value	Large Blend	Large Growth	LARGE
Medium Value	Medium Blend	Medium Growth	MED
Small Value	Small Blend	Small Growth	SMALL

43

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

- Chính sách đầu tư**
- Ví dụ :** Sơ lược chính sách đầu tư của quỹ đầu tư VF1 do công ty Quản Lý Quỹ Việt Nam quản lý.
- 25% - 35% vốn của Quỹ đầu tư vào các công ty niêm yết ( tổng số 75 – 105 tỷ đồng )
  - 25% -35 % vốn của Quỹ đầu tư vào các công ty chưa niêm yết ( tổng số 75- 105 tỷ đồng )
  - 25% tập trung vào trái phiếu chính phủ ( tổng số 75 tae đồng )
  - 10% đầu tư vào cổ phiếu của các công ty bất động sản.
  - 5% đầu tư vào các tài sản khác

44

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---



45

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

### Phương pháp tính giá trị tài sản ròng

- Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xác định giá trị tài sản ròng của quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ định kỳ tối thiểu một lần trong một tuần.
- Giá trị tài sản ròng của quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của quỹ.
- Tổng giá trị tài sản của quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường).
- Tổng nợ phải trả của quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của quỹ tính đến ngày trước ngày định giá.
- Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng của quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành.
- Công ty quản lý quỹ phải xây dựng sổ tay định giá

46

46

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

### Chi phí hoạt động của quỹ

- Phí phát hành
- Phí quản lý quỹ
- Phí thưởng hoạt động
- Phí quản lý tài sản quỹ
- Phí giám sát

47

47

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

### 6.2. Công ty bảo hiểm

- Một số vấn đề cơ bản về bảo hiểm
- Rủi ro có thể được bảo hiểm.
- Hợp đồng bảo hiểm.
- Các nguyên tắc hoạt động của bảo hiểm thương mại.
- Các loại hình và sản phẩm bảo hiểm.
- Cơ cấu tổ chức và các nghiệp vụ của công ty BH

48

48

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---



Một số vấn đề cơ bản về bảo hiểm

- Khái niệm
- Rủi ro và quản trị rủi ro
- Vai trò của bảo hiểm

49

---

---

---

---

---

---

---

---

The Nobel Prize in Literature 1953



"for his mastery of historical and biographical description as well as for brilliant oratory in defending exalted human values"

Sir Winston Leonard Spencer Churchill 1874 - 1965, United Kingdom.

50

---

---

---

---

---

---

---

---

" Nếu có thể, tôi sẽ viết từ "Bảo hiểm" khắp mọi nơi trong mỗi khu phố, mỗi ngôi nhà và trước mắt mỗi người - càng ngày tôi càng tin chắc rằng, với một giá khiêm tốn, bảo hiểm có thể giải phóng các gia đình ra khỏi thảm họa khôn lường".

( Winston Churchill )

51

---

---

---

---

---

---

---

---

### Khái niệm bảo hiểm

**Bảo hiểm là hoạt động trong đó để đổi lấy phí bảo hiểm của người tham gia bảo hiểm nhà bảo hiểm đưa ra cam kết bồi thường cho người tham gia bảo hiểm hoặc bên thứ ba số một số tiền xác định nhằm bù đắp những tổn thất về tài chính cho những người này trong trường hợp xảy ra những sự kiện bảo hiểm được quy định bởi hợp đồng giao kết giữa hai bên hay được quy định bởi pháp luật .**

52

52

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

### Khái niệm bảo hiểm

- Bảo hiểm là một hoạt động dịch vụ tài chính nhằm phân phối lại những mất mát không mong đợi.
- Bảo hiểm là một cơ chế, theo cơ chế này, một người, một doanh nghiệp hay một tổ chức chuyển nhượng rủi ro cho công ty bảo hiểm, công ty đó sẽ bồi thường cho người được bảo hiểm các tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm và phân chia giá trị thiệt hại giữa tất cả người được bảo hiểm.

53

53

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

### Khái niệm bảo hiểm ( Luật KDBH)

- Kinh doanh bảo hiểm là hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm nhằm mục đích sinh lợi, theo đó doanh nghiệp bảo hiểm chấp nhận rủi ro của người được bảo hiểm, trên cơ sở bên mua bảo hiểm đóng phí bảo hiểm để doanh nghiệp bảo hiểm trả tiền bảo hiểm cho người thụ hưởng hoặc bồi thường cho người được bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm.
- Kinh doanh tái bảo hiểm là hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm nhằm mục đích sinh lợi, theo đó doanh nghiệp bảo hiểm nhận một khoản phí bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm khác để cam kết bồi thường cho các trách nhiệm đã nhận bảo hiểm.
- Doanh nghiệp bảo hiểm là doanh nghiệp được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật để kinh doanh bảo hiểm, tái bảo hiểm.

54

54

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

### Rủi ro

- o Bảo hiểm là hình thức kinh doanh rủi ro, tiền đề của bảo hiểm là sự tồn tại của rủi ro.
- o Rủi ro (Risk) tồn tại khi có sự không chắc chắn về tương lai. Các tổ chức và cá nhân có thể phải đối mặt với hai loại rủi ro, bao gồm : Rủi ro thuần túy (Pure Risk) và rủi ro đầu cơ (Speculative Risk).
- o Rủi ro đầu cơ là rủi ro khi tồn tại ba khả năng có thể xảy ra : Thiệt hại, có lợi, không thay đổi.
- o Rủi ro thuần túy là loại rủi ro khi chỉ tồn tại hai khả năng bị thiệt hại hoặc không bị thiệt hại.
- o Chỉ có rủi ro thuần túy mới có thể được bảo hiểm, mục đích của bảo hiểm là đền bù những tổn thất về tài chính chứ không phải là tạo ra cơ hội kiếm lời.

55

55

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

### QUẢN TRỊ RỦI RO – RISK MANAGEMNET

- o Quản trị rủi ro là việc một tổ chức hay cá nhân nhận diện và đánh giá các rủi ro (trên góc độ tài chính) mà họ có thể gặp phải. Từ đó, sẽ có các biện pháp nhằm kiểm soát, giảm thiểu và loại bỏ rủi ro.
- o Để loại bỏ và giảm thiểu những rủi ro về tài chính người ta có thể chọn các cách thức quản trị rủi ro như sau :
  - ✓ Tránh rủi ro (Avoiding Risk)
  - ✓ Kiểm soát rủi ro (Controlling Risk)
  - ✓ Chấp nhận rủi ro (Accepting Risk)
  - ✓ Chuyển nhượng rủi ro (Transferring Risk)

56

56

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

### QUẢN TRỊ RỦI RO – RISK MANAGEMNET

- o **Chấp nhận rủi ro (Accepting Risk):** Các tổ chức và cá nhân có thể quyết định chấp nhận toàn bộ trách nhiệm và thiệt hại khi rủi ro phát sinh thay vì mua bảo hiểm để phòng ngừa những rủi ro này. Biện pháp này có thể gọi là tự bảo hiểm (Self - Insurance).
- o **Chuyển nhượng rủi ro (Transferring Risk):** Chúng ta có thể chuyển những tổn thất tài chính khi xảy ra rủi ro cho một chủ thể khác, đổi lại chúng ta phải chịu một khoản phí. Các chuyển nhượng rủi ro phổ biến nhất là mua các hợp đồng bảo hiểm. Do tâm lý phổ biến của con người là ngại rủi ro (Risk - Adverse) nên người ta chấp nhận trả một khoản phí chắc chắn thay vì phải gánh chịu những thiệt hại lớn có thể xảy ra.

57

57

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

**Các loại rủi ro**

- o **Rủi ro tổn thất tài sản ( Property damage risk )** : Là những rủi ro xảy ra đối với các tài sản do các sự kiện như : tai nạn, mất trộm, cháy nổ hay các thảm họa tự nhiên.
- o **Rủi ro trách nhiệm (Liability Risk)**: Là những tổn thất tài chính mà một người phải gánh chịu khi thực hiện trách nhiệm bồi thường do những thiệt hại mà anh ta gây ra cho bên thứ ba theo luật định.
- o **Rủi ro về con người ( Personal Risk )** : Là những tổn thất tài chính xảy ra liên quan đến tuổi thọ, tính mạng sức khỏe của con người.

58

58

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

**Rủi ro có thể được bảo hiểm**

- o Hoạt động BHTM cung cấp dịch vụ bảo hiểm cho các tổ chức và cá nhân có nhu cầu. Tuy nhiên, không phải trong mọi trường hợp, các công ty bảo hiểm đều chấp nhận yêu cầu bảo hiểm.
- o Sản phẩm bảo hiểm chỉ có thể được thiết kế dựa trên nguyên tắc căn bản đó là rủi ro phải có thể bảo hiểm được.
- o Rủi ro có thể được bảo hiểm (Insurable Risks) có một số đặc tính cơ bản

59

59

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

**Đặc tính của rủi ro có thể bảo hiểm được**

- o **Tổn thất phải xuất hiện một cách ngẫu nhiên ( The Loss must be occur by chance )**  
 Những tổn thất phải là nguyên nhân của một sự kiện bất ngờ hay một sự kiện không do người được bảo hiểm cố ý gây ra.
- o **Tổn thất phải được xác định rõ ràng ( The Loss must be definite )**  
 Những tổn thất được bảo hiểm phải được xác định bởi 2 vấn đề : Thời gian (Time) và Khi nào nhà bảo hiểm phải trả tiền bồi thường. Số lượng ( Amount ) : Nhà bảo hiểm phải trả bao nhiêu tiền.

60

60

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

**Đặc tính của rủi ro có thể bảo hiểm được**

❖ **Tổn thất phải đáng kể (The Loss must be significant)**

Do sự tổn kém về thời gian và chi phí cho cả hai bên trong việc thực hiện các giao kết bảo hiểm. Do vậy những rủi ro có thể được bảo hiểm thông thường phải tương đối lớn và tạo ra những khó khăn tài chính đáng kể cho người tham gia bảo hiểm.

61

61

---

---

---

---

---

---

---

---

**Đặc tính của rủi ro có thể bảo hiểm được**

❖ **Tỉ lệ tổn thất phải có thể dự đoán được ( The Loss Rate Must be predictable ) :**

Để cung cấp một loại hình bảo hiểm nào đó, công ty bảo hiểm phải ước đoán được tỉ lệ tổn thất có thể xảy ra.

Công ty BH hoạt động dựa trên quy luật số đông ( The Law of Large Numbers ). Thông qua nhiều lần quan sát một sự kiện ngẫu nhiên người ta sẽ tìm ra quy luật về sự xuất hiện của nó. Đó gọi là xác suất xảy ra sự kiện bảo hiểm ( Probability )

VD : Các công ty bảo hiểm nhân thọ dùng bảng thống kê tỉ lệ tử vong ( Mortality Table ) để tính phí

62

62

---

---

---

---

---

---

---

---

**Đặc tính của rủi ro có thể bảo hiểm được**

❖ **Rủi ro không vượt quá sức chịu đựng của nhà bảo hiểm ( The Loss Must not be Catastrophic to the Insurer ).**

Rủi ro không thể được bảo hiểm nếu như việc đền bù có thể gây thiệt hại tài chính quá lớn cho nhà BH. Rủi ro sẽ không thể được bảo hiểm bởi vì nhà bảo hiểm không có khả năng thực hiện trách nhiệm bồi thường.

Các nhà BH thực hiện việc phòng tránh rủi ro này thông qua việc xác định giới hạn bảo hiểm tối đa (Retention Limit) hay thực hiện nghiệp vụ tái bảo hiểm (Reinsurance).

63

63

---

---

---

---

---

---

---

---



**Hợp đồng bảo hiểm**

- **Khái niệm và hình thức hợp đồng bảo hiểm**
- **Nội dung hợp đồng bảo hiểm**

64

64

---

---

---

---

---

---

---

---



**Khái niệm và hình thức hợp đồng**

- Khi công ty bảo hiểm đồng ý cung cấp dịch vụ bảo hiểm cho khách hàng tổ chức và cá nhân, công ty sẽ phát hành hợp đồng bảo hiểm (Insurance Policy).
- Hợp đồng bảo hiểm là sự thoả thuận giữa các bên, theo đó bên mua bảo hiểm phải đóng phí bảo hiểm, còn bên bảo hiểm phải trả một khoản tiền bảo hiểm cho bên được bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm.
- Hợp đồng bảo hiểm phải được lập thành văn bản. Giấy yêu cầu bảo hiểm có chữ ký của bên mua bảo hiểm là bộ phận không tách rời của hợp đồng bảo hiểm. Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc đơn bảo hiểm là bằng chứng của việc giao kết hợp đồng bảo hiểm.

65

65

---

---

---

---

---

---

---

---



**Nội dung cơ bản của HĐBH**

- Tên, địa chỉ của doanh nghiệp bảo hiểm, bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm hoặc người thụ hưởng;
- Đối tượng bảo hiểm;
- Số tiền bảo hiểm, giá trị tài sản được bảo hiểm đối với bảo hiểm tài sản;
- Phạm vi bảo hiểm, điều kiện bảo hiểm, điều khoản bảo hiểm;
- Điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm;
- Thời hạn bảo hiểm;
- Mức phí bảo hiểm, phương thức đóng phí bảo hiểm;
- Thời hạn, phương thức trả tiền bảo hiểm hoặc bồi thường;
- Các quy định giải quyết tranh chấp;

66

66

---

---

---

---

---

---

---

---

**Nội dung cơ bản của HĐBH**

- ❖ Nhà bảo hiểm ( The Insurer ) : Là doanh nghiệp hoặc tổ chức bảo hiểm chấp nhận rủi ro của người được bảo hiểm, nhà bảo hiểm thu phí bảo hiểm và trả tiền cho người thụ hưởng hoặc người được bảo hiểm trong trường hợp xảy ra sự kiện bảo hiểm.
- ❖ Bên mua bảo hiểm ( Policyowner ) : Là tổ chức cá nhân giao kết hợp đồng với nhà bảo hiểm và đóng phí bảo hiểm. Bên mua bảo hiểm có thể đồng thời là người được bảo hiểm hoặc người thụ hưởng.
- ❖ Người được bảo hiểm ( The insured ) Là tổ chức cá nhân có tính mạng, sức khỏe, tài sản, trách nhiệm dân sự được bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm. Người được bảo hiểm có thể đồng thời là người thụ hưởng.

67

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

**NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA HĐBH**

- ❖ Người thụ hưởng ( Beneficiary ) : Là tổ chức, cá nhân được bên mua bảo hiểm chỉ định nhận số tiền bảo hiểm theo hợp đồng BH.
- ❖ Sự kiện bảo hiểm ( Event insured ) là sự kiện khách quan do các bên thỏa thuận hoặc pháp luật quy định mà khi sự kiện đó xảy ra thì nhà bảo hiểm phải trả tiền cho người thụ hưởng hoặc bồi thường cho người được bảo hiểm.
- ❖ Đối tượng bảo hiểm : Đối tượng bảo hiểm trở thành một điều khoản cơ bản của hợp đồng bảo hiểm. Đối tượng bảo hiểm bao gồm con người, tài sản, trách nhiệm dân sự và các đối tượng khác theo quy định của pháp luật.

68

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

**Nội dung cơ bản của HĐBH**

- ❖ Số tiền bảo hiểm ( Policy benefit ) là số tiền được ghi trong hợp đồng BH mà công ty BH cam kết trả cho người chủ hợp đồng/người thụ hưởng trong trường hợp xảy ra sự kiện bảo hiểm. Số tiền bảo hiểm là mức trách nhiệm cao nhất của Công ty BH và cũng là cơ sở để tính toán phí bảo hiểm.
- ❖ Phí bảo hiểm (Premium) là khoản tiền mà bên mua bảo hiểm phải đóng cho doanh nghiệp bảo hiểm theo thời hạn và phương thức do các bên thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm.
- ❖ Điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm quy định trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm không phải bồi thường hoặc không phải trả tiền bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm. Điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm phải được quy định rõ trong hợp đồng bảo hiểm.

69

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

### Các nguyên tắc kinh doanh bảo hiểm

- Yêu cầu về lợi ích có thể được bảo hiểm (Insurable Interest Requirement )
- Nguyên tắc đảm bảo quy luật số đông
- Nguyên tắc trung thực
- Nguyên tắc phân tán rủi ro
- Nguyên tắc thể quyền
- Nguyên tắc lựa chọn, phân loại rủi ro và định phí bảo hiểm tương ứng với mức rủi ro

70

70

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

### Yêu cầu về lợi ích có thể được bảo hiểm ( Insurable Interest Requirement )

- ❖ Người tham gia bảo hiểm phải có lợi ích có thể được bảo hiểm đối với đối tượng bảo hiểm, đó là điều kiện để cho hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực.
- ❖ Quyền lợi có thể được bảo hiểm là quyền sở hữu, quyền chiếm hữu, quyền sử dụng, quyền tài sản; quyền, nghĩa vụ nuôi dưỡng, cấp dưỡng đối với đối tượng được bảo hiểm.

71

71

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

### Yêu cầu về lợi ích có thể được bảo hiểm (Insurable Interest Requirement )

- Lợi ích bảo hiểm của bảo hiểm tài sản :
  - Gồm
    - ✓ Lợi ích về sở hữu.
    - ✓ Lợi ích về sử dụng.
    - ✓ Lợi ích về thu nhập.
    - ✓ Lợi ích về trách nhiệm.
  - Doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm không được giao kết hợp đồng bảo hiểm tài sản trên giá trị. Hợp đồng bảo hiểm tài sản trên giá trị là hợp đồng trong đó số tiền bảo hiểm cao hơn giá thị trường của tài sản được bảo hiểm tại thời điểm giao kết hợp đồng.

72

72

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---



**Yêu cầu về lợi ích có thể được bảo hiểm (Insurable Interest Requirement)**

- o Lợi ích bảo hiểm của bảo hiểm con người thường là các quan hệ thân nhân được pháp luật thừa nhận.
- o Trong trường hợp bảo hiểm con người. Bên mua bảo hiểm chỉ có thể mua bảo hiểm cho những người sau đây:
  - ✓ Bản thân bên mua bảo hiểm;
  - ✓ Vợ, chồng, con, cha, mẹ của bên mua bảo hiểm;
  - ✓ Anh, chị, em ruột; người có quan hệ nuôi dưỡng và cấp dưỡng;
  - ✓ Người khác, nếu bên mua bảo hiểm có quyền lợi có thể được bảo hiểm.

73

73

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

**Yêu cầu về lợi ích có thể được bảo hiểm (Insurable Interest Requirement)**

- o **Ý nghĩa của nguyên tắc lợi ích có thể được bảo hiểm :**
  - ✓ Nghiêm cấm việc sử dụng hình thức bảo hiểm để đánh bạc.
  - ✓ Xác định giới hạn trách nhiệm bồi thường của DN Bảo hiểm.
  - ✓ Ngăn chặn rủi ro đạo đức.

74

74

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

**Nguyên tắc đảm bảo quy luật số đông :**

- ✓ Nguyên tắc căn bản của bảo hiểm là số đông bù số ít. Lấy phí đóng góp của nhiều người để bù đắp rủi ro cho một số ít người.
- ✓ Các công ty BH cần tích cực triển khai nghiệp vụ, đảm bảo số lượng đủ lớn người tham gia một nghiệp vụ nhất định.
- ✓ Chỉ có ký được nhiều hợp đồng bảo hiểm mới thực hiện được quy luật số đông, sao cho tỷ lệ rủi ro dự báo gần sát với tỷ lệ rủi ro thực tế.
- ✓ Càng nhiều hợp đồng bảo hiểm, chí phí cố định trên một hợp đồng càng giảm.

75

75

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

### Nguyên tắc phân tán rủi ro

- Doanh nghiệp bảo hiểm không được tập trung vào một hay một số hợp đồng và đối tượng bảo hiểm với số tiền bảo hiểm quá lớn. Nếu không khi có những rủi ro này xảy ra doanh nghiệp bảo hiểm không thể thực hiện trách nhiệm bồi thường hoặc việc bồi thường có thể làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình tài chính của công ty bảo hiểm.
- Doanh nghiệp BH có thể thực hiện việc phân tán rủi ro bằng cách : giới hạn số tiền bảo hiểm tối đa cho các đối tượng BH, đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm, xem xét mối tương quan giữa các rủi ro...

76

76

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

### Nguyên tắc trung thực tuyệt đối

- Nguyên tắc trung thực được áp dụng đối với cả doanh nghiệp bảo hiểm và người mua bảo hiểm.
- Khi giao kết hợp đồng bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến hợp đồng bảo hiểm, giải thích các điều kiện, điều khoản bảo hiểm cho bên mua bảo hiểm;
  - Khi giao kết hợp đồng bảo hiểm, theo yêu cầu của bên bảo hiểm, bên mua bảo hiểm phải cung cấp cho bên bảo hiểm đầy đủ thông tin có liên quan đến đối tượng bảo hiểm, trừ thông tin mà bên bảo hiểm đã biết hoặc phải biết.

77

77

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

### Nguyên tắc trung thực tuyệt đối

- Trong trường hợp bên mua bảo hiểm cố ý cung cấp thông tin sai nhằm giao kết hợp đồng để hưởng tiền bảo hiểm thì bên bảo hiểm có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng và thu phí bảo hiểm đến thời điểm chấm dứt hợp đồng.
- Trong trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm cố ý cung cấp thông tin sai sự thật nhằm giao kết hợp đồng bảo hiểm thì bên mua bảo hiểm có quyền đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng bảo hiểm; doanh nghiệp bảo hiểm phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho bên mua bảo hiểm do việc cung cấp thông tin sai sự thật.

78

78

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---



### Nguyên tắc thế quyền

- o Doanh nghiệp có quyền yêu cầu người thứ ba bồi hoàn số tiền bảo hiểm mà doanh nghiệp bảo hiểm đã bồi thường cho người được bảo hiểm do người thứ ba gây ra đối với tài sản và trách nhiệm dân sự;

79

79

---

---

---

---

---

---

---

---



### Nguyên tắc lựa chọn, phân loại rủi ro và tính phí bảo hiểm tương ứng với mức rủi ro

- o Không phải yêu cầu bảo hiểm nào cũng được công ty bảo hiểm chấp nhận. Mức phí bảo hiểm đối với từng đối tượng bảo hiểm là cũng khác nhau.
- o Công ty phải tiến hành thẩm định, đánh giá rủi ro, phân loại các nhóm rủi ro và từ đó xác định mức phí bảo hiểm tương ứng với từng mức rủi ro khác nhau.

80

80

---

---

---

---

---

---

---

---



### Các loại hình và sản phẩm bảo hiểm

- o Các loại hình bảo hiểm
- o Phân loại theo đối tượng được bảo hiểm
- o Bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ
- o Các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ
- o Các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ.

81

81

---

---

---

---

---

---

---

---

**Các loại hình bảo hiểm**

- Bảo hiểm bắt buộc và bảo hiểm tự nguyện.
- Phân loại theo đối tượng bảo hiểm
- Bảo hiểm nhân thọ và bảo hiểm phi nhân thọ

82

82

---

---

---

---

---

---

---

---

**Bảo hiểm bắt buộc và bảo hiểm tự nguyện**

- ❖ **Bảo hiểm bắt buộc :**
  - ✓ Bảo hiểm bắt buộc là loại bảo hiểm do pháp luật quy định về điều kiện bảo hiểm, mức phí bảo hiểm, số tiền bảo hiểm tối thiểu mà tổ chức cá nhân tham gia bảo hiểm và doanh nghiệp bảo hiểm có nghĩa vụ thực hiện.
  - ✓ Bảo hiểm bắt buộc chỉ áp dụng chỉ áp dụng đối với một số loại bảo hiểm nhằm mục đích bảo vệ lợi ích cộng đồng và an toàn xã hội.
  - ✓ BH bắt buộc bao gồm: Bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, người vận chuyển hàng không, Bảo hiểm cháy nổ...Bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp đối với hoạt động tư vấn pháp luật; Bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm;...

83

83

---

---

---

---

---

---

---

---

**Bảo hiểm bắt buộc và bảo hiểm tự nguyện**

- ❖ **Bảo hiểm tự nguyện :**
  - Ngược lại với bảo hiểm bắt buộc bảo hiểm tự nguyện là loại hình bảo hiểm mà các tổ chức, cá nhân tham gia bảo hiểm và doanh nghiệp bảo hiểm tự quyết định việc có tiến hành giao kết hợp đồng bảo hiểm hay không. Hai bên tự quyết định về điều kiện bảo hiểm mức phí bảo hiểm và số tiền bảo hiểm.

84

84

---

---

---

---

---

---

---

---

**Phân loại theo đối tượng được bảo hiểm**

- **Bảo hiểm con người :** Đối tượng của hợp đồng bảo hiểm con người là tuổi thọ, tính mạng, sức khỏe và tai nạn con người. Bảo hiểm con người thường dưới hình thức bảo hiểm nhân thọ và sức khỏe (Life and Health Insurance)
- **Bảo hiểm tài sản (Property Insurance):** Đối tượng của hợp đồng bảo hiểm tài sản là tài sản, bao gồm vật có thực, tiền, giấy tờ trị giá được bằng tiền và các quyền tài sản.

**Phân loại theo đối tượng được bảo hiểm**

- **Bảo hiểm trách nhiệm dân sự:** Đối tượng của hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm dân sự là trách nhiệm dân sự của người được bảo hiểm đối với người thứ ba theo quy định của pháp luật. Trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm chỉ phát sinh nếu người thứ ba yêu cầu người được bảo hiểm bồi thường thiệt hại do lỗi của người đó gây ra cho người thứ ba trong thời hạn bảo hiểm. Người thứ ba không có quyền trực tiếp yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm trả tiền bồi thường, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**Phân loại theo đối tượng được bảo hiểm**

- Thông thường các công ty bảo hiểm nhân thọ và Sức khỏe ( Life and Health Insurers ) chuyên cung cấp các hợp đồng bảo hiểm cho loại rủi ro này.
- Nhà bảo hiểm chuyên thực hiện nghiệp vụ tài sản và trách nhiệm được gọi là công ty bảo hiểm Tài sản và tai nạn ( Property and casualty Insurers - Property and Liability Insurers)

85

86

87

---

---

---

---

---

---

---

---



---

---

---

---

---

---

---

---



---

---

---

---

---

---

---

---

**BẢO HIỂM NHÂN THỌ VÀ BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ**

- Bảo hiểm nhân thọ (Life Insurance) là loại nghiệp vụ bảo hiểm cho trường hợp người được bảo hiểm sống hoặc chết. BHNT là hình thức bảo hiểm mà doanh nghiệp bảo hiểm phải chi trả một khoản tiền nhất định cho rủi ro về sinh mạng và trường hợp chết của con người. BHNT thường được kết hợp với việc tiết kiệm và thường có tính chất dài hạn.
- Bảo hiểm phi nhân thọ (Non-Life Insurance) là nghiệp vụ bảo hiểm tài sản, trách nhiệm dân sự và các nghiệp vụ bảo hiểm khác không thuộc bảo hiểm nhân thọ.

88

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

**BHNT VÀ BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ**

- Theo luật kinh doanh bảo hiểm Việt Nam, doanh nghiệp bảo hiểm không được phép đồng thời kinh doanh bảo hiểm nhân thọ và bảo hiểm phi nhân thọ, trừ trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ kinh doanh nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người bổ trợ cho bảo hiểm nhân thọ.

89

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

**Các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ**

- Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người;
- Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại;
- Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường bộ, đường biển, đường sông, đường sắt và đường không;
- Bảo hiểm hàng không;
- Bảo hiểm xe cơ giới;
- Bảo hiểm cháy, nổ;
- Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu;
- Bảo hiểm trách nhiệm chung;
- Bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính;
- Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh;
- Bảo hiểm nông nghiệp;
- Các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ khác

90

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

**Các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ**

- **Bảo hiểm trọn đời;**
- **Bảo hiểm sinh kỳ**
- **Bảo hiểm tử kỳ**
- **Bảo hiểm hỗn hợp;**
- **Bảo hiểm trả tiền định kỳ;**
- **Các nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ khác**

91

91

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

**Các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ**

- **Bảo hiểm tử kỳ (Term Life Insurance) :** Bảo hiểm tử kỳ là nghiệp vụ bảo hiểm cho trường hợp người được bảo hiểm chết trong một thời hạn nhất định, theo đó doanh nghiệp bảo hiểm phải trả tiền bảo hiểm cho người thụ hưởng, nếu người được bảo hiểm chết trong thời hạn được thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm.
- **Bảo hiểm sinh kỳ** là nghiệp vụ bảo hiểm cho trường hợp người được bảo hiểm sống đến một thời hạn nhất định, theo đó doanh nghiệp bảo hiểm phải trả tiền bảo hiểm cho người thụ hưởng, nếu người được bảo hiểm vẫn sống đến thời hạn được thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm.

92

92

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

**Các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ**

- **Bảo hiểm hỗn hợp (Endowment Insurance)** là nghiệp vụ bảo hiểm kết hợp bảo hiểm sinh kỳ và bảo hiểm tử kỳ. Công ty BH sẽ chi trả số tiền bảo hiểm trong trường hợp người được bảo hiểm chết trong thời hạn hợp đồng và chi trả vào thời điểm hợp đồng đáo hạn.
- ✓ **Bảo hiểm trọn đời (Whole Life Insurance)** là nghiệp vụ bảo hiểm cho trường hợp người được bảo hiểm chết vào bất kỳ thời điểm nào trong suốt cuộc đời của người đó.
- ✓ **Bảo hiểm trả tiền định kỳ (Annuities)** là nghiệp vụ bảo hiểm cho trường hợp người được bảo hiểm sống đến một thời hạn nhất định; sau thời hạn đó doanh nghiệp bảo hiểm phải trả tiền bảo hiểm định kỳ cho người thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm.

93

93

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

**Các nghiệp vụ cơ bản của công ty bảo hiểm**

- o Tính phí và thiết kế sản phẩm bảo hiểm
- o Marketing và phân phối sản phẩm.
- o Thẩm định bảo hiểm
- o Giải quyết đền bù
- o Đầu tư

94

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

**Thẩm định bảo hiểm**

- o Các yêu cầu bảo hiểm của khách hàng cần được thẩm định kỹ lưỡng trước khi công ty bảo hiểm chấp nhận yêu cầu bảo hiểm của khách hàng.
- o Thẩm định bảo hiểm có nhiệm vụ: nhận diện, đánh giá một cách chính xác và đầy đủ; phân nhóm rủi ro một cách chính xác; từ đó hỗ trợ cho việc tính toán mức phí một cách phù hợp.
- o Thẩm định giúp ngăn chặn sự lựa chọn bất lợi (Adverse Selection) trong bảo hiểm nhằm đảm sự hoạt động hiệu quả và lợi ích của công ty, lợi ích và sự công bằng của người tham gia bảo hiểm, lợi ích của người phân phối sản phẩm bảo hiểm.

95

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

**Thẩm định bảo hiểm**

- o Nhận diện rủi ro (Identifying Risks) : Rủi ro được phân thành hai loại chủ yếu
  - ✓ Rủi ro thực sự (Physical hazard)
  - ✓ Rủi ro đạo đức (Moral hazard)
- o Phân loại rủi ro (Classifying Risk): Sau khi đánh giá rủi ro, bộ phận thẩm định sẽ xếp đối tượng tham gia bảo hiểm vào các nhóm rủi ro phù hợp.
  - ✓ Rủi ro ưu tiên (Preferred Risk)
  - ✓ Rủi ro chuẩn (The Standard Risk)
  - ✓ Rủi ro dưới chuẩn (Substandard Risk)
  - ✓ Rủi ro loại trừ ( The Declined Risk)

96

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---



Tính phí bảo hiểm – Tính toán rủi ro tài chính (Acturial)

- o Tiến hành các nghiên cứu để xác định tỷ lệ rủi ro đối với các nghiệp vụ bảo hiểm, hỗ trợ xây dựng hệ thống các tiêu chí thẩm định.
- o Phối hợp với bộ phận Marketing trong việc thiết kế sản phẩm bảo hiểm
- o Quyết định mức phí bảo hiểm và mức bảo tức (nếu có) của các hợp đồng bảo hiểm,
- o Tính toán việc trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm.
- o Hỗ trợ việc xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bảo hiểm.

97

97

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

Đền bù bảo hiểm (Claim Administration)

- o Xử lý và đánh giá các yêu cầu bồi thường bảo hiểm của khách hàng.
- o Thẩm định và đánh giá mức thiệt hại thực tế xảy ra.
- o Tính toán mức đền bù phù hợp và thực hiện việc chi trả quyền lợi bảo hiểm.
- o Đền bù bảo hiểm cần thực hiện một cách chính xác và nhanh chóng nhằm đảm bảo quyền lợi của khách hàng. Nhưng cũng cần thận trọng tính toán mức đền bù phù hợp và đặc biệt là phát hiện và điều tra các trường hợp có dấu hiệu trục lợi bảo hiểm.

98

98

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

Hoạt động đầu tư

Từ phí bảo hiểm các công ty bảo hiểm có trong tay một quỹ tài chính rất lớn. Quỹ này không được dùng để bồi thường và chi trả hết hay – đặc biệt là đối với BHNT, công ty bảo hiểm có thể sử dụng “phần lớn nguồn tiền nhàn rỗi để đầu tư.

- o Cùng với các ngân hàng thương mại và quỹ đầu tư, các công ty bảo hiểm ( đặc biệt là BHNT) là nhà đầu tư lớn nhất trên thị trường tài chính.
- o Hoạt động đầu tư thể hiện rõ vai trò trung gian tài chính và là hoạt động mang lại thu nhập đáng kể nhất khi lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm ngày càng có xu hướng thu hẹp lại.

99

99

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

Hoạt động đầu tư

- o Nguồn vốn đầu tư của doanh nghiệp bảo hiểm bao gồm :nguồn vốn chủ sở hữu, nguồn vốn nhận rỗi từ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm và các nguồn hợp pháp khác.
- o Nguồn vốn nhận rỗi từ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm là tổng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm trừ các khoản tiền mà doanh nghiệp bảo hiểm dùng để bồi thường bảo hiểm thường xuyên trong kỳ đối với bảo hiểm phi nhân thọ, trả tiền bảo hiểm thường xuyên trong kỳ đối với bảo hiểm nhân thọ.
- o Nguyên tắc đầu tư của DNBH : An toàn, lợi nhuận, đảm bảo khả năng thanh khoản.

100

100

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

DMĐT CỦA CÁC CÔNG TY BH

- ❖ Tiền mặt và các tài sản có tính thanh khoản cao
  - Tiền mặt
  - Tiền gửi ngân hàng.
  - Tín phiếu kho bạc.
- ❖ Trái phiếu chính phủ.
- ❖ Trái phiếu công ty.
- ❖ Chứng khoán tài thế chấp.
- ❖ Cho vay trực tiếp.
- ❖ Cổ phiếu.
- ❖ Bất động sản

101

101

---

---

---

---

---

---

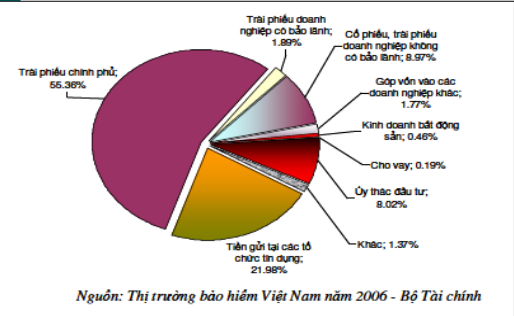
---

---

---

---

Cơ cấu đầu tư của các công ty BH Việt Nam



102

---

---

---

---

---

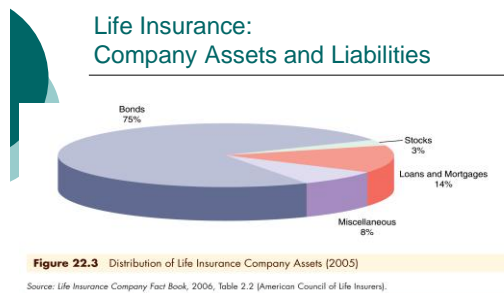
---

---

---

---

---



103

103

---

---

---

---

---

---

---

---

### 6.3. Ngân hàng trung gian

- Các loại hình ngân hàng trung gian và khái niệm ngân hàng thương mại
- Các nghiệp vụ cơ bản của NHTM

104

104

---

---

---

---

---

---

---

---

- ### CÁC LOẠI HÌNH NGÂN HÀNG TRUNG GIAN
- ❖ **Ngân hàng thương mại**
  - ❖ **Ngân hàng đầu tư**
  - ❖ **Ngân hàng đặc biệt**
  - ❖ **Ngân hàng có mục đích xã hội**
  - ❖ **Ngân hàng phát triển**

105

105

---

---

---

---

---

---

---

---

### Ngân hàng đầu tư ( Investment Bank )

- \* **Loại hình và nguồn gốc vốn** : Vốn tự có, tiền gửi và tiền vay từ các tổ chức tài chính khác và từ những người ký gửi tiền số lượng lớn.
- \* **Các dịch vụ** :
  - o Hỗ trợ các doanh nghiệp huy động vốn trên thị trường chứng khoán
    - Tư vấn phát hành cổ phiếu, trái phiếu
    - Bảo lãnh phát hành
  - o Kinh doanh chứng khoán
    - Môi giới chứng khoán
    - Tự doanh chứng khoán
    - Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán
  - o Tư vấn sáp nhập và mua công ty

106

106

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

### Universal Bank vs Investment Bank

- o Universal banks have long played a leading role in Germany, Switzerland, and other Continental European countries. The principal financial institutions in these countries typically are universal banks.
- o The universal bank offer the entire array of financial and banking services, such as : deposit taking, real estate and other forms of lending, bank guarantee, foreign exchange trading, as well as underwriting, securities trading, and portfolio management, insurance, financial leasing...
- o In the Anglo-Saxon countries and in Japan, by contrast, commercial and investment banking tend to be separated.

107

107

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

### Universal Bank vs Investment Bank

- o In US, The modern concept of "investment bank" was created in the Glass – Steagall act ( Banking Act of 1934). Glass Steagall separated commercial banks, investment banks, and insurance companies.
- o Bulge bracket firms : First Boston, Goldman Sachs, Merrill Lynch, Morgan Stanley, Salomon Brothers, Lehman Brothers.
- o President Clinton November 1999 signs Graham – Leach which rescinded the Glass – Steagall act of 1933
- o The last two major bulge bracket firms on Wall Street were Goldman Sachs and Morgan Stanley until both banks elected to convert to traditional banking institutions on the 22nd of September, 2008, as part of a response to the US financial crisis.

108

108

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

### INVESTMENT BANKING

- o **Capital market** : Helping customers raise funds in the Capital Markets ( securities issuance advisory, underwriting, securities distribution, private placement deal...)
- o **M&A** : providing advice on mergers and acquisitions transactions
- o **Corporate finance** : Stock Issuance Advisory, Underwriting, Listing Advisory, valuation and due diligence, Business conversion and Equitization Planning, Business Restructuring, Business Strategy Examining.

109

109

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

### Ngân hàng đặc biệt

Là những ngân hàng trung gian được thành lập để phục vụ cho những mục đích đặc biệt.NH đặc biệt không thể có hoạt động đầu tư cho thương mại hoặc sản xuất một cách tự do như NHTM. Nói cách khác sự khác nhau cơ bản giữa hai loại hình này là NHTM có đối tượng đầu tư khá rộng còn các ngân hàng đặc biệt có đối tượng đầu tư hẹp hơn nhiều.

- o **Ví dụ :**
  - Ngân hàng phát triển ngư nghiệp Hàn Quốc.
  - Ngân hàng NN&PTNT VN.
  - Ngân hàng Hàng Hải.
  - Ngân hàng Phát triển nhà ĐBSCL

110

110

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

### Ngân hàng có mục đích xã hội

Là NH lập ra không nhằm mục đích vì lợi nhuận, mà mục đích chính là giúp đỡ một tầng lớp nào đó trong XH có thể vay với lãi suất NH, nếu không họ là nạn nhân của các cuộc vay nặng lãi. Ở pháp có NH bình dân (banque populaire), Ở Nhật có Shinkin bank, Ở Việt Nam có NHCS.

111

111

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

### Ngân hàng chính sách xã hội

Theo quyết định số Số: 131/2002/QĐ - TT của thủ tướng chính phủ về việc thành lập ngân hàng Chính sách xã hội.

- **Điều 2:** Ngân hàng Chính sách xã hội được huy động vốn của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước, tiếp nhận các nguồn vốn của Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác.
- **Điều 3:** Hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội không vì mục đích lợi nhuận, được Nhà nước bảo đảm khả năng thanh toán, tỷ lệ dự trữ bắt buộc bằng 0% (không phần trăm), không phải tham gia bảo hiểm tiền gửi, được miễn thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước.

112

112

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

### Ngân hàng phát triển

- Nhiều quốc gia trong nỗ lực phát triển hệ thống tài chính đã thiết lập các ngân hàng tín dụng dài hạn và các định chế chuyên ngành cấp tín dụng cho công nghiệp, nông nghiệp, doanh nghiệp nhỏ, xây dựng nhà ở... để
  - bổ sung cho các loại tín dụng mà các tổ chức tư nhân cung cấp;
  - lấp chỗ trống tài chính khi thị trường chứng khoán không tồn tại hoặc không hoạt động hiệu quả; và
  - chủ động tìm kiếm, thẩm định và quản lý các dự án đầu tư (đặc biệt là các dự án phát triển).
- Nguồn vốn:
  - Vốn góp của chính phủ và khu vực tư nhân.
  - Phát hành trái phiếu.
  - Vay chính phủ nước ngoài và các tổ chức tài chính đa phương.
- Sử dụng vốn:
  - Cho vay dài hạn cho các dự án công nghiệp và phát triển
  - Đầu tư vốn cổ phần

113

113

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

### Luật các tổ chức tín dụng 2010

- **Tổ chức tín dụng** là doanh nghiệp thực hiện một, một số hoặc tất cả các hoạt động ngân hàng. Tổ chức tín dụng bao gồm ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, tổ chức tài chính vi mô và quỹ tín dụng nhân dân.
- **Ngân hàng** là loại hình tổ chức tín dụng có thể được thực hiện tất cả các hoạt động ngân hàng theo quy định của Luật này. Theo tính chất và mục tiêu hoạt động, các loại hình ngân hàng bao gồm ngân hàng thương mại, ngân hàng chính sách, ngân hàng hợp tác xã.

114

114

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---



**Luật các tổ chức tín dụng 2010**

- o *Ngân hàng thương mại* là loại hình ngân hàng được thực hiện tất cả các hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của Luật này nhằm mục tiêu lợi nhuận.
- o *Ngân hàng hợp tác xã* là ngân hàng của tất cả các quỹ tín dụng nhân dân do các quỹ tín dụng nhân dân và một số pháp nhân góp vốn thành lập theo quy định của Luật này nhằm mục tiêu chủ yếu là liên kết hệ thống, hỗ trợ tài chính, điều hòa vốn trong hệ thống các quỹ tín dụng nhân dân.

115

115

---

---

---

---

---

---

---

---



**CAÙC NGHIEÁP VUI CUÙA NHTM**

- ❖ **Nghieáp vui taøi saün nôi.**
- ❖ **Nghieáp vui taøi saün coù.**
- ❖ **Nghieáp vui trung gian hoa hoàng ( Nghieáp vui taøi saün ngoaïi baùng – Caùc dòch vui)**

116

116

---

---

---

---

---

---

---

---



**Nghieáp vui taøi saün nôi**

- o Nghieáp vui taøi saün nôi laø caùc nghieáp vui nhaèm hình thaønh neân nguoàn voán kinh doanh cuøa NH, noù ñöôïc theå hieän beân phaàn “ nguoàn” cuøa Baùng Toång Keát Taøi Saün.
- o Nguoàn voán cuøa NHTM bao gồm : Voán chuú söù höõu (voán töø coù), voán huy ñoäng vaø voán vay.

117

117

---

---

---

---

---

---

---

---

### VOÁN CHUỮ SÔU HỒU( VOÁN TÔI COU)

- VTC Làø voán thuôc về càu chũ sôu hồu của ngân hàng, ãây làø nguồn voán ban ãầu quan trọng làø nền tảng ãể ngân hàng triển khai càu nghiệp vùi khàu.
- VCSH ãõic xem làø nguồn bù ãáp khi càu ruì ro xảy ra làm giàu trò tài sản của ngân hàng như hỗn so vùi giàu trò của càu khoản vay và voán huy ãông nhằm ãảm bảo quyền lợi của người gửi tiền và người cho vay.
- VTC thông chæ chiэм một tỷ lệ nhỏ những ãông vai trò rất quan trọng. Nhiều chæ tiêu an toàn voán của ngân hàng ãõic tính toán ãữa trên cơ sô voán tôi càu.
- NH càu thể phất triển voán tôi càu bằng càu; Voán bổ sung tồ NSNN ( trõðng hõp NHTM sô

118

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

### VOÁN CHUỮ SÔU HỒU( VOÁN TÔI COU)

- Voán tôi càu bao gồm :
- ✓ Voán ãieu là: làø voán ãầu tồ ban ãầu của sôu hồu chũ của NH ( nhậ nôùc, càu co ãông, càu bán liên doanh...), ãõic ghi trong ãieu là hoạt ãông của NH. Voán ãieu là khoã ãõic như hỗn voán phấp ãõnh. Nói vùi NHTMCP voán ãieu là chính bằng meãh giàu co phieu nhân vùi số ãõing co phần ãõ phất hõnh.
- ✓ Thaẽng dõ voán co phần: Chænh leãch giõõa giàu phất hõnh co phieu vùi meãh giàu ( trõðng hõp NHTMCP)
- ✓ Càu quyõ dõ trõ nhỏ : Quyõ dõ phõng tại chính, quyõ bổ sung voán ãieu là, quyõ ãầu tồ phất triển.....Càu quyõ ãõic trích lãp tồ nguồn lợi nhuãn sau thuê của ngân hàng.

119

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

### VOÁN HUY ÑÔNG

- ✦ Nói vùi càu NHTM(nghân hàng bán lẻ) voán huy ãông làø nguồn quan trọng nhất, chiэм tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu nguồn voán của NH.
- ✦ NHTM huy ãông tiền gửi tồ khàu hõng làø tồ chũc vàø càu nhân bằng càu loại hình tiền gửi, càu sản phẩm tiền gửi ãõic thiết kế ãa ãa ãa vàø phong phú về: lãi suất, kỳ hãnh, càu ãõic gửi tiền, càu ãõic tính lãi vàø trả lãi, càu ãõic ãõic theo....
- ✦ **Càu loại tiền gửi co bản bao gồm:**
- Nói vùi khàu hõng càu nhân: tiền gửi thanh toán, tiền gửi tiết kiệm( tiền gửi tiết kiệm khoã kỳ hãnh, tiền gửi tiết kiệm cõ kỳ hãnh)
- Nói vùi khàu hõng tồ chũc: Tiền gửi khoã kỳ hãnh( tiền gửi thanh toán), tiền gửi cõ kỳ hãnh.
- Tiền gửi bằng ãõng nói teã, bằng ngoại teã, bằng vàøng...
- ✦ Ngoài ra, NHTM cõ huy ãõng ãõõõ hình ãõic phất hõnh càu loại chũng chæ tiền gửi, kỳ phieu ngân hàng, trải

120

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---



**VOÁN ẪI VAY**

- Trong quá trình hoạt động kinh doanh, trong các trường hợp khác nhau, NHTM có thể đi vay:
  - ✓ Vay NHTW thông qua kênh tài cấp vốn
  - ✓ Vay các TCTD trong nước (trên thò trường tiền tệ liên ngân hàng)
  - ✓ Vay các tổ chức tín dụng nước ngoài
  - ✓ Nhận vốn ủy thác tổ chức chính phủ, các tổ chức nước ngoài.

121

121

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

**Nghiệp vụ tại sao cò**

- Là các nghiệp vụ sử dụng nguồn vốn vào hoạt động kinh doanh của NH, nó được thể hiện trên **Tại Sao Cò** của Bảng Tổng Kết Tại Sao.
- Nghiệp vụ tại sao cò bao gồm : Tại sao cò ngân quỹ, tại sao cò tín dụng, tại sao cò tài trợ và tại sao cò khác.

122

122

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

**Tại sao cò ngân quỹ**

- NHTM phải sử dụng một phần nguồn vốn của mình nhằm đáp ứng các nhu cầu thanh khoản và phục vụ hoạt động kinh doanh của ngân hàng.
- Tại sao cò ngân quỹ bao gồm:
  - ✓ Đối trừ tiền mặt tại quỹ: nhằm đáp ứng kịp thời nhất nhu cầu thanh toán của khách hàng.
  - ✓ Tiền gửi tại NHTW, gồm : tiền gửi DTBB, tiền gửi thanh toán.
  - ✓ Tiền gửi thanh toán tại các TCTD khác nhằm phục vụ nhu cầu thanh toán và quan hệ lãi lỵ.
- Tại sao cò ngân quỹ rất quan trọng trong việc đảm bảo khả năng thanh toán cho ngân hàng, nhờ đó không sinh lợi hoặc mức lãi sinh lợi rất thấp. Do vậy, các NHTM cần tính toán duy trì tỷ trọng tại sao cò ngân quỹ phù hợp.

123

123

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

**Nghiệp vụ tại sân cò tín dụng:**

- Trong các nghiệp vụ tại sân cò, nghiệp vụ cho vay luân chiếm tỷ trọng lớn nhất và mang lại phần lớn thu nhập cho ngân hàng.
- NHTM sử dụng nguồn vốn để cấp tín dụng cho các khách hàng lao cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức trong nền kinh tế dưới những hình thức khác nhau.
- Có nhiều hình thức cấp tín dụng khác nhau:
  - ✓ Caên cò vạo thòi hain: tín dụng ngắn hạn, trung hạn, dài hạn..
  - ✓ Caên cò mức ních: Cho vay SXKD, cho vay tiêu dùng
  - ✓ Caên cò vạo loaii tiền teã: cho vay bằng nội tệ, ngoại tệ, vạong...
  - ✓ Caên cò hình thục bảo ãaũm: tín dụng cò ãaũm bảo bằng tại sân, tín dụng khoãng cò ãaũm bảo bằng tại sân..
  - ✓ Caên cò kyõ thuãt cho vay: thãu chỉ, òng trõõc, tín dụng theo hạn mục, chiết khấu...
  - ✓ Caên cò phõng thục hoãn trãu: cho vay trãu gòp, cho vay phi trãu gòu

124

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

**Nghiệp vụ tại sân cò ãaũm tũ**

- Ngoài tại sân cò tín dụng, tại sân cò ãaũm tũ ãoũng vai trò ngày càng quan trọng, các ngân hàng định một phần nguồn vốn để ãaũm tũ nhằm mục đích sinh lợi, phần còn lại rò thoãng qua việc ãaũm tũ danh mục tại sân cò, tạo nguồn đời trở thành khoản thù cấp...
- Danh mục ãaũm tũ của ngân hàng chủ yếu bao gồm:
  - ✓ ãaũm tũ vạo chũng khoãũn:
    - +Chũng khoãũn nũ: Traũ phieãũ chính phủ, traũ phieãũ công ty, các công cũ tài thế chấp(MBS)
    - +Chũng khoãũn vớũn: Cũ phieãũ niẽm yeãt, cũ phieãũ OTC
  - ✓ Các hình thục ãaũm tũ dài hạn khác: ãaũm tũ vạo các công ty con, công ty liên doanh, liên kết....
  - Do cũ phieãũ vạo các hình thục gòp vớũn, liên doanh thũõng cũ, tín thanh khoãũn thãp, rũũ ro cao nên luật pháp các nũõc thũõng quy ãõnh giũũ hạn việc sử dụng nguồn vốn vạo các nghiệp vụ này.

125

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

**Các nghiệp vụ tại sân cò khác:**

- NHTM sử dụng vốn để mua sắm tài sản tại sân cò ãõnh hũũ hình ( thiết bị vận phõng, phõng tiẽn vãn chũyẽn, trũũ sũũ, keũt saẽt kho tãõng..)
- Tãũ lãũp TSCũ vớũ hình( quyẽn sử dụng ãaũt, phần mềm, giãũi phãũp CNTT, nhãũn hiẽũ hãõng hoãũ..)
- Tại trũũ cho các khoãũn phãũi thu, tãũm òũng, chỉ phí trũũ trũõc
- ãaũm tũ kinh doanh vạong, ngoãũi teã,vv...

126

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

### Nghiệp vụ trung gian hoa hồng

- NHTM làm trung gian, cung ứng các dịch vụ nhằm thúc đẩy nhanh chóng ủy thác, yêu cầu của khách hàng vượt qua rào cản hóc búa hoa hồng phí.
- Đây là những nghiệp vụ quan trọng làm tăng thu nhập cho ngân hàng. Nó mang lại lợi nhuận cao hơn so với các nghiệp vụ khác tại các ngân hàng.
- **Các dịch vụ truyền thống của NHTM bao gồm:**
  - ✓ Thu hồi, chi trả, chuyển tiền, thanh toán
  - ✓ Mô hình Tín Dụng, bảo lãnh cho khách hàng
  - ✓ Cho thuê két sắt, giao dịch tại các quầy
  - ✓ Lưu ký, bảo lãnh phát hành trái phiếu
  - ✓ Tư vấn về kinh tế - tài chính, cung cấp thông tin
  - ✓ Nhận ủy thác thanh lý tài sản các doanh nghiệp bỏ phá sản
  - ✓ Thúc đẩy các ủy nhiệm về chuyển tiền, thanh toán, vv...

127

127

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

### 6.4. Công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ

- 6.4.1. Công ty chứng khoán
- 6.4.2. Công ty quản lý quỹ

128

128

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

### 6.3.1. Công ty chứng khoán

- KHÁI NIỆM, MỘT SỐ LOẠI HÌNH CTCK
- MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CHỨNG KHOÁN
- VỐN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN
- CÁC NGHIỆP VỤ CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

129

129

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

**KHÁI NIỆM CTCK**

- Công ty chứng khoán là một định chế tài chính trung gian chuyên hoạt động kinh doanh chứng khoán ( tự doanh ) và cung cấp các dịch vụ trên thị trường chứng khoán.
- Các dịch vụ trên TTCK bao gồm : môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, bảo lãnh phát hành, quản lý danh mục đầu tư, tư vấn đầu tư ...
- Tùy điều kiện cụ thể các công ty chứng khoán có thể thực hiện một số hoặc toàn bộ các nghiệp vụ trên.

130

130

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

**Khái niệm công ty chứng khoán**

- Công ty chứng khoán là doanh nghiệp hoạt động kinh doanh chứng khoán, thực hiện một, một số hoặc toàn bộ các nghiệp vụ: môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán. (Nghị định số 210/2012/TT-BTC)

131

131

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

**MỘT SỐ LOẠI HÌNH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

- Công ty môi giới chứng khoán ( Securities Brokerage Firm )
- Công ty bảo lãnh phát hành – Công ty Ngân Hàng Đầu Tư ( Investment Banking Firm )
- Công ty dịch vụ đa năng ( Multiservices Firm )

132

132

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

**Mô hình hoạt động công ty chứng khoán**

- o Mô hình công ty chuyên doanh chứng khoán
- o Mô hình công ty đa năng kinh doanh chứng khoán và tiền tệ

133

133

---

---

---

---

---

---

---

---

**Mô hình chuyên doanh chứng khoán**

- o Theo mô hình này, hoạt động kinh doanh chứng khoán sẽ do các công ty chứng khoán độc lập, chuyên môn hoá trong lĩnh vực chứng khoán đảm nhận, các ngân hàng không được tham gia kinh doanh chứng khoán.
- o Ưu điểm :
  - ✓ Hạn chế rủi ro cho hệ thống ngân hàng
  - ✓ Tính chuyên môn hóa cao

134

134

---

---

---

---

---

---

---

---

**MÔ HÌNH ĐA NĂNG**

Theo mô hình này các ngân hàng thương mại, tổ chức tài chính hoạt động với tư cách là các chủ thể kinh doanh chứng khoán, bảo hiểm, kinh doanh tiền tệ... Mô hình chia làm hai loại :

- ✓ **Loại đa năng một phần** : Ở đây các ngân hàng, tổ chức tài chính muốn kinh doanh chứng khoán phải thành lập công ty con kinh doanh độc lập.
- ✓ **Loại đa năng hoàn toàn** : Các ngân hàng thương mại được phép kinh doanh tổng hợp (kinh doanh chứng khoán, kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh tiền tệ.)

135

135

---

---

---

---

---

---

---

---

### VỐN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

- Vốn điều lệ của công ty chứng khoán phải đáp ứng yêu cầu về vốn pháp định đối với từng nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán. Vốn pháp định cho các nghiệp vụ kinh doanh của công ty chứng khoán :
- Mỗi giới chứng khoán: 25 tỷ đồng Việt Nam;
  - Tự doanh chứng khoán: 100 tỷ đồng Việt Nam;
  - Bảo lãnh phát hành chứng khoán: 165 tỷ đồng Việt Nam;
  - Tư vấn đầu tư chứng khoán: 10 tỷ đồng Việt Nam.
- Vốn điều lệ của công ty chứng khoán phải đáp ứng yêu cầu về vốn pháp định đối với từng nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán.

(Nghị định số 58/2012/NĐ-CP)

136

136

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

### CÁC HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

- **MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN**
- **LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN**
- **TỰ DOANH CHỨNG KHOÁN**
- **BẢO LÃNH PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN**
- **TƯ VẤN ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN**
- **TƯ VẤN TÀI CHÍNH**

137

137

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

### Các nghiệp vụ kinh doanh của công ty chứng khoán

Công ty chứng khoán được thực hiện một, một số hoặc toàn bộ nghiệp vụ kinh doanh sau đây:

- a) Môi giới chứng khoán;
  - b) Tự doanh chứng khoán;
  - c) Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
  - d) Tư vấn đầu tư chứng khoán.
- Công ty chứng khoán chỉ được phép thực hiện nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán khi thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán.
  - Ngoài nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán quy định tại khoản 1 Điều này, công ty chứng khoán được nhận ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân, cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính và các dịch vụ tài chính khác theo quy định của Bộ Tài chính.

(Luật Chứng khoán)

138

138

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

**NGHIỆP VỤ MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN**

- o Khái niệm
- o Các quy trình nghiệp vụ
- o Các loại hình giao dịch

139

139

---

---

---

---

---

---

---

---

**KHÁI NIỆM**

Môi giới chứng khoán là hoạt động trong đó CTCK đại diện cho khách hàng làm trung gian giao dịch, tiến hành giao dịch thông qua cơ chế giao dịch tại SGDCK hay thị trường OTC để hưởng phí. CTCK chỉ làm trung gian giao dịch và hưởng phí, không phải chịu trách nhiệm đối với kết quả kinh doanh của khách hàng.

- o **Môi giới chứng khoán** là việc công ty chứng khoán làm trung gian thực hiện mua, bán chứng khoán cho khách hàng.

( Luật chứng khoán )

140

140

---

---

---

---

---

---

---

---

**NGHIỆP VỤ MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN**

- ❖ **Nghiệp vụ môi giới CK có thể bao gồm :**
  - o **Môi giới chứng khoán niêm yết**
  - o **Môi giới chứng khoán chưa niêm yết**
- ❖ **Các dịch vụ hỗ trợ :**
  - o **Cho vay cầm cố cổ phiếu & đăng ký giao dịch**
  - o **Ứng trước tiền bán chứng khoán**
  - o **Mua bán có kỳ hạn (REPO) cổ phiếu chưa niêm yết**

141

141

---

---

---


---

---

---

---

---



**CÁC QUY TRÌNH NGHIỆP VỤ MÔI GIỚI**

- QUY TRÌNH MỞ TÀI KHOẢN
- QUY TRÌNH ĐÓNG TÀI KHOẢN
- QUY TRÌNH GIAO DỊCH
- QUY TRÌNH MUA BÁN CHỨNG KHOÁN LỎ LẺ
- QUY TRÌNH GIAO DỊCH THỎA THUẬN
- QUY TRÌNH KIỂM SOÁT TRONG PHIÊN GIAO DỊCH
- QUY TRÌNH SỬA ĐỔI CÁC LỆNH SAI
- QUY TRÌNH NHẬN VÀ THÔNG BÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH
- QUY TRÌNH ỨNG TRƯỚC TIỀN BÁN CHỨNG KHOÁN
- QUY TRÌNH CẦM CỔ CHỨNG KHOÁN

142

142

---

---

---


---

---

---

---

---



**Các loại hình giao dịch**

- Giao dịch thông thường
- Giao dịch bảo chứng ( Margin )
- Giao dịch bán khống

143

143

---

---

---


---

---

---

---

---



**NGHIỆP VỤ TỰ DOANH**

- Khái niệm
- Các yêu cầu đối với nghiệp vụ tự doanh
- Quy trình nghiệp vụ tự doanh

144

144

---

---

---

---

---

---

---

---



### NGHIỆP VỤ TỰ DOANH CHỨNG KHOÁN

- Nghiệp vụ tự doanh chứng khoán là nghiệp vụ trong đó công ty chứng khoán mua bán chứng khoán bằng nguồn vốn của mình để thu lợi nhuận cũng như chấp nhận rủi ro từ những hoạt động đó.
- Tự doanh chứng khoán là việc công ty chứng khoán mua hoặc bán chứng khoán cho chính mình. ( **Luật chứng khoán** )

145

145

---

---

---

---

---

---

---

---

### NHỮNG YÊU CẦU ĐỐI VỚI CTCK TRONG HOẠT ĐỘNG TỰ DOANH

- **Tách biệt quản lý**
- **Ưu tiên khách hàng**
- **Bình ổn thị trường**
- **Tuân thủ các quy định và hạn chế đầu tư.**

146

146

---

---

---

---

---

---

---

---

### CÁC HẠN CHẾ ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại khoản 1 Điều này và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- Công ty chứng khoán không được sử dụng quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu để đầu tư mua trái phiếu doanh nghiệp hoặc góp vốn sở hữu tổ chức khác, trong đó không được sử dụng quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu để đầu tư vào các công ty chưa niêm yết.

(Thông tư 210/2012/TT-BTC)

147

147

---

---

---

---

---

---

---

---

Các hạn chế đầu tư của CTCK

Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:
a) Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lỗ lẽ theo yêu cầu của khách hàng;
b) Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
c) Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
d) Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên;
e) Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
e) Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức.

(Thông tư 210/2012/TT-BTC) 148

148

Horizontal lines for notes on slide 148

Quy trình tự doanh

- Xây dựng chiến lược đầu tư
Khai thác tìm kiếm cơ hội đầu tư
Phân tích, đánh giá chất lượng cơ hội đầu tư.
Thực hiện đầu tư
Quản lý và thu hồi vốn

149

149

Horizontal lines for notes on slide 149

NGHIỆP VỤ BẢO LÃNH PHÁT HÀNH

- Khái niệm bảo lãnh phát hành
Vai trò của tổ chức bảo lãnh phát hành
Các hình thức bảo lãnh phát hành

150

150

Horizontal lines for notes on slide 150

### BẢO LÃNH PHÁT HÀNH

Phát hành chứng khoán thông qua tổ chức bảo lãnh phát hành là hình thức phát hành thường được sử dụng nhất. Trong nhiều trường hợp UBCKNN bắt buộc đợt phát hành phải có nhà bảo lãnh phát hành.

- Sơ đồ :



151

151

---

---

---

---

---

---

---

---

### KHÁI NIỆM BẢO LÃNH PHÁT HÀNH

**Bảo lãnh phát hành chứng khoán** là việc tổ chức bảo lãnh phát hành cam kết với tổ chức phát hành thực hiện các thủ tục trước khi chào bán chứng khoán, nhận mua một phần hay toàn bộ chứng khoán của tổ chức phát hành để bán lại hoặc mua số chứng khoán còn lại chưa được phân phối hết của tổ chức phát hành hoặc hỗ trợ tổ chức phát hành trong việc phân phối chứng khoán ra công chúng. (*Luật chứng khoán*)

152

152

---

---

---

---

---

---

---

---

### Vai trò của tổ chức bảo lãnh phát hành

- Tư vấn cho tổ chức phát hành về các điều kiện, phương pháp và thời điểm phát hành.
- Chuẩn bị thủ tục, hồ sơ pháp lý xin phép phát hành.
- Phân phối lượng chứng khoán lớn cho các nhà đầu tư tổ chức và cá nhân.
- Mua chứng khoán từ người phát hành

153

153

---

---

---

---

---

---

---

---

**NGHIỆP VỤ LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN**

- o **Lưu ký chứng khoán** là việc nhận ký gửi, bảo quản, chuyển giao chứng khoán cho khách hàng, giúp khách hàng thực hiện các quyền liên quan đến sở hữu chứng khoán.
- o **Đăng ký chứng khoán** là việc ghi nhận quyền sở hữu và các quyền khác của người sở hữu chứng khoán.

154

154

---

---

---

---

---

---

---

---

**TƯ VẤN ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN**

- o **Tư vấn đầu tư chứng khoán** là việc công ty chứng khoán cung cấp cho nhà đầu tư kết quả phân tích, công bố báo cáo phân tích và khuyến nghị liên quan đến chứng khoán.
- o **Nội dung tư vấn** : Tư vấn chiến lược và kỹ thuật giao dịch; Cung cấp kết quả phân tích chứng khoán và thị trường chứng khoán.

155

155

---

---

---

---

---

---

---

---

**TƯ VẤN TÀI CHÍNH**

- 1. Tư vấn cổ phần hóa:**
  - o Tư vấn xây dựng lộ trình cổ phần hóa
  - o Xác định giá trị doanh nghiệp
  - o Tư vấn & lập phương án cổ phần hóa
  - o Tổ chức đấu giá ra công chúng
  - o Tư vấn sau cổ phần hóa
- 2. Tư vấn phát hành**
  - o Tư vấn lựa chọn công cụ tài chính thích hợp
  - o Lập kế hoạch phát hành
  - o Lựa chọn phương thức phát hành
  - o Thực hiện các thủ tục xin phép phát hành
  - o Tổ chức thăm dò thị trường
  - o Thực hiện phát hành

156

156

---

---

---

---

---

---

---

---

### TƯ VẤN TÀI CHÍNH

- 3. Tư vấn niêm yết**
  - o Khảo sát, đánh giá tổng quát hoạt động của doanh nghiệp
  - o Lập hồ sơ niêm yết
  - o Thực hiện thủ tục xin phép Ủy ban chứng khoán
  - o Thực hiện thủ tục niêm yết
  - o Tư vấn sau niêm yết
- 4. Tư vấn tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp**
  - o Phân tích & đánh giá hiện trạng TCDN
  - o Xây dựng kế hoạch tái cấu trúc tài chính của doanh nghiệp
  - o Triển khai hoạt động tái cấu trúc tài chính
- 5. Tư vấn Mua, bán và sáp nhập doanh nghiệp**
  - o Định giá doanh nghiệp
  - o Xây dựng kế hoạch mua, bán và sáp nhập
  - o Tìm kiếm và tổ chức đàm phán với đối tác
  - o Dịch vụ hỗ trợ sau mua, bán và sáp nhập

157

157

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

### CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

- o Khái niệm.
- o Mô hình hoạt động của công ty quản lý quỹ.
- o Các nghiệp vụ của công ty quản lý quỹ.

158

158

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

### Khái niệm

Theo khái niệm về công ty quản lý quỹ đầu tư (Fund Management) tại thị trường chứng khoán Mỹ, công ty quản lý quỹ là công ty chuyên trách thực hiện việc quản lý các quỹ đầu tư. Các quỹ đầu tư, công ty đầu tư sử dụng nhà tư vấn đầu tư, hay người quản lý đầu tư để quyết định loại chứng khoán nào sẽ đưa vào danh mục đầu tư của quỹ. Người quản lý quỹ được toàn quyền quản lý danh mục đầu tư, mua bán chứng khoán phù hợp với các mục tiêu đầu tư của quỹ.

- o Thực chất về hoạt động của công ty quản lý quỹ là thực hiện chức năng về quản lý vốn tài sản thông qua việc đầu tư theo danh mục đầu tư hiệu quả nhất làm gia tăng giá trị của quỹ đầu tư

159

159

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

**Khái niệm**

Công ty quản lý quỹ là doanh nghiệp hoạt động kinh doanh chứng khoán, cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán. (Thông tư số 212/2012/TT-BTC)

160

160

---

---

---

---

---

---

---

---

**Mô hình công ty quản lý quỹ**

- o Công ty quản lý quỹ hoàn toàn độc lập
- o Công ty quản lý quỹ là công ty con của công ty chứng khoán
- o Công ty quản lý quỹ là công ty con của các ngân hàng
- o Mô hình ngân hàng đa năng thực hiện các loại hình kinh doanh ngân hàng – bảo hiểm – chứng khoán – quản lý tài sản

161

161

---

---

---

---

---

---

---

---

**NGHIỆP VỤ KINH DOANH CỦA CTQLQ**

- o Công ty quản lý quỹ được thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh sau đây:
  - a) Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
  - b) Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;
  - c) Tư vấn đầu tư chứng khoán.
- o Ngoài các nghiệp vụ kinh doanh theo quy định, công ty quản lý quỹ được huy động và quản lý các quỹ đầu tư nước ngoài có mục tiêu đầu tư vào Việt Nam.

**(Luật Chứng Khoán )**

162

162

---

---

---


---

---

---

---

---



**Nghiệp vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán**

- Công ty QLQ thực hiện việc huy động vốn, lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

163

163

---

---

---


---

---

---

---

---



**Nghiệp vụ QLDMĐT chứng khoán**

- Khái niệm
- Chiến lược đầu tư
- Hợp đồng quản lý đầu tư
- Phân bổ tài sản giữa các hợp đồng quản lý đầu tư
- Quản lý tài sản nhà đầu tư ủy thác

164

164

---

---

---


---

---

---

---

---



**Khái niệm**

**Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán** là việc công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán thực hiện quản lý theo ủy thác của từng nhà đầu tư trong mua, bán, nắm giữ chứng khoán.

165

165

---

---

---

---

---

---

---

---

### Chiến lược đầu tư

Trước khi đưa ra chiến lược đầu tư hoặc thực hiện việc đầu tư cho nhà đầu tư ủy thác, Công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ thu thập và nhà đầu tư có nghĩa vụ cung cấp các thông tin cá nhân có liên quan của nhà đầu tư ủy thác nhằm tìm hiểu khả năng tài chính, thời hạn đầu tư, mục tiêu đầu tư, mức độ rủi ro có thể chấp nhận, các hạn chế đầu tư và các yêu cầu đầu tư khác của nhà đầu tư ủy thác.

- Chiến lược đầu tư mà Công ty triển khai thực hiện để quản lý tài sản nhà đầu tư ủy thác phải phù hợp với yêu cầu của nhà đầu tư này trên cơ sở các thông tin do nhà đầu tư cung cấp. Chiến lược đầu tư là một phần không tách rời của Hợp đồng quản lý đầu tư và phải được nhà đầu tư ký và xác nhận là phù hợp với yêu cầu của nhà đầu tư.

166

166

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

### Hợp đồng quản lý đầu tư

Công ty quản lý quỹ được nhận ủy thác quản lý danh mục đầu tư cho nhà đầu tư trên cơ sở Hợp đồng quản lý đầu tư. Ngoài các nội dung do hai bên thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật, Hợp đồng quản lý đầu tư phải bao gồm những nội dung cơ bản theo quy định. Hợp đồng phải quy định rõ trách nhiệm và nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng lưu ký đối với nhà đầu tư ủy thác trong quá trình thực hiện quản lý tài sản của nhà đầu tư ủy thác.

167

167

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

### Phân bổ tài sản

Trong trường hợp Công ty quản lý quỹ mua hoặc bán chứng khoán hoặc các tài sản khác đồng thời tại cùng một thời điểm cho nhiều Hợp đồng quản lý đầu tư, Công ty phải có chính sách và quy trình phân bổ chứng khoán cho từng hợp đồng một cách hợp lý, đảm bảo việc phân bổ tài sản giữa các hợp đồng là công bằng. Chứng khoán và các tài sản sau giao dịch phải được phân bổ theo cùng một tỷ lệ cho các nhà đầu tư ủy thác có mức chấp nhận rủi ro tương đương. Trường hợp chứng khoán được mua hoặc bán tại các mức giá khác nhau, Công ty quản lý quỹ phải sử dụng mức giá bình quân gia quyền để phân bổ tài sản.

168

168

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---





**Quản lý tài sản của nhà đầu tư ủy thác**

- Khi thực hiện quản lý danh mục đầu tư, Công ty quản lý quỹ phải mở tài khoản lưu ký đứng tên Công ty quản lý quỹ tại Ngân hàng lưu ký thay mặt cho nhà đầu tư ủy thác.
- Tài sản của từng nhà đầu tư ủy thác phải được quản lý trên các tài khoản tách biệt theo quy định tại Hợp đồng quản lý đầu tư và được nhà đầu tư ủy thác chấp thuận.
- Công ty quản lý quỹ phải lập báo cáo định kỳ nêu chi tiết về danh mục đầu tư, kèm theo các thông tin khác có liên quan tới hoạt động đầu tư danh mục và gửi cho từng nhà đầu tư ủy thác.

169

169

---

---

---

---

---

---

---

---



**6.5. Công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính**

- 6.5.1. Công ty tài chính
- 6.5.2. Công ty cho thuê tài chính

170

170

---

---

---

---

---

---

---

---



**6.5.1. Công ty tài chính**

- Khái niệm công ty tài chính
- Các loại hình công ty tài chính
- Nghiệp vụ của công ty tài chính

171

171

---

---

---

---

---

---

---

---

### Khái niệm công ty tài chính

- ✦ Công ty tài chính là một trung gian tài chính. Theo truyền thống nó huy động vốn bằng cách phát hành thương phiếu, cổ phiếu trái phiếu. Sau đó dùng tiền thu được để cho vay (thường là những khoản vay nhỏ) đặc biệt thích hợp với nhu cầu của người tiêu dùng và doanh nghiệp nhỏ. Quá trình trung gian tài chính của các công ty tài chính đặc trưng ở điểm họ huy động những món tiền lớn nhưng lại cho vay nhưng lại thường cho vay những khoản tiền nhỏ hoặc đặc thù trong một lĩnh vực nhất định - một quá trình khác với quá trình trung gian của các ngân hàng thương mại.
- ✦ Do các khoản cho vay của các công ty tài chính thường là các khoản cho vay nhỏ lẻ và có tính rủi ro cao nên thông thường lãi suất cho vay của CTTC cũng lớn hơn lãi suất cho vay cùng loại của các NHTM.

172

172

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

### Khái niệm công ty tài chính

Tổ chức tín dụng phi ngân hàng là loại hình tổ chức tín dụng được thực hiện một hoặc một số hoạt động ngân hàng theo quy định của Luật này, trừ các hoạt động nhận tiền gửi của cá nhân và cung ứng các dịch vụ thanh toán qua tài khoản của khách hàng. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng bao gồm công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính và các tổ chức tín dụng phi ngân hàng khác. ( Luật các TCTD – 2010).

173

173

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

### Các loại hình công ty tài chính

- ❑ Theo nghị định 39/2014/NĐ-CP, Công ty tài chính bao gồm Công ty tài chính tổng hợp và công ty tài chính chuyên ngành.
- ❑ Công ty tài chính chuyên ngành gồm công ty tài chính bao thanh toán, công ty tài chính tín dụng tiêu dùng, công ty cho thuê tài chính.

174

174

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

Các loại hình công ty tài chính chuyên ngành

- Công ty tài chính bao thanh toán là công ty tài chính chuyên ngành, hoạt động chính trong lĩnh vực bao thanh toán theo quy định của Nghị định này.
- Công ty tài chính tín dụng tiêu dùng là công ty tài chính chuyên ngành, hoạt động chính trong lĩnh vực tín dụng tiêu dùng theo quy định của Nghị định này.
- Công ty cho thuê tài chính là công ty tài chính chuyên ngành, hoạt động chính là cho thuê tài chính theo quy định tại Nghị định này. Dự nợ cho thuê tài chính phải chiếm tối thiểu 70% tổng dự nợ cấp tín dụng.

(Nghị định 39/2014/ND-CP)

175

175

---

---

---

---

---

---

---

---

Nghệp vụ của công ty tài chính

- Hoạt động ngân hàng
- Hoạt động tín dụng
- Hoạt động đầu tư
- Hoạt động khác

176

176

---

---

---

---

---

---

---

---

Hoạt động ngân hàng

- Nhận tiền gửi của tổ chức;
- Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn của tổ chức;
- Vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật; vay Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn.

177

177

---

---

---

---

---

---

---

---

### Hoạt động ngân hàng

- Cho vay, bao gồm cả cho vay trả góp, cho vay tiêu dùng;
- Bảo lãnh ngân hàng;
- Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng, các giấy tờ có giá khác;
- Phát hành thẻ tín dụng, bao thanh toán, cho thuê tài chính và các hình thức cấp tín dụng khác sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

178

178

---

---

---

---

---

---

---

---

### Mở tài khoản của công ty Tài chính

- Công ty tài chính có nhận tiền gửi phải mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước và duy trì trên tài khoản tiền gửi này số dư bình quân không thấp hơn mức dự trữ bắt buộc.
- Công ty tài chính được mở tài khoản thanh toán tại ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
- Công ty tài chính được phép thực hiện hoạt động phát hành thẻ tín dụng được mở tài khoản tại ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.
- Công ty tài chính được mở tài khoản tiền gửi, tài khoản quản lý tiền vay cho khách hàng.

179

179

---

---

---

---

---

---

---

---

### Góp vốn, mua cổ phần của CTTC

- Công ty tài chính chỉ được dùng vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn, mua cổ phần theo quy định.
- Công ty tài chính được góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, quỹ đầu tư.
- Công ty tài chính chỉ được thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết hoạt động trong các lĩnh vực bảo hiểm, chứng khoán, quản lý tài sản bảo đảm sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.

180

180

---

---

---

---

---

---

---

---

### Hoạt động khác của CTTC

- o Tiếp nhận vốn ủy thác của Chính phủ, tổ chức, cá nhân để thực hiện các hoạt động đầu tư vào các dự án sản xuất, kinh doanh,
- o Tham gia thị trường tiền tệ
- o Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp.
- o Bảo lãnh phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp; đại lý phát hành trái phiếu, cổ phiếu và các loại giấy tờ có giá khác.
- o Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối theo quy định
- o Làm đại lý kinh doanh bảo hiểm.
- o Cung ứng dịch vụ tư vấn trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, đầu tư.
- o Cung ứng dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản của khách hàng.

181

181

---

---

---

---

---

---

---

---

### 6.5.2. Công ty cho thuê tài chính

- o Khái niệm công ty cho thuê tài chính
- o Các nghiệp vụ của công ty cho thuê tài chính.
- o Cho thuê tài chính và cho thuê hoạt động
- o Nguyên tắc kế toán đối với hoạt động cho thuê tài chính và thuê hoạt động.
- o Quy trình nghiệp vụ cho thuê tài chính

182

182

---

---

---

---

---

---

---

---

### Khái niệm công ty cho thuê tài chính

- o Công ty cho thuê tài chính là công ty tài chính chuyên ngành, hoạt động chính là cho thuê tài chính theo quy định. Dự nợ cho thuê tài chính phải chiếm tối thiểu 70% tổng dự nợ cấp tín dụng. (Nghị định 39/2014/NĐ - CP).
- o Cho thuê tài chính là hoạt động cấp tín dụng trung hạn, dài hạn trên cơ sở hợp đồng cho thuê tài chính giữa bên cho thuê tài chính với bên thuê tài chính. Bên cho thuê tài chính cam kết mua tài sản cho thuê tài chính theo yêu cầu của bên thuê tài chính và nắm giữ quyền sở hữu đối với tài sản cho thuê tài chính trong suốt thời hạn cho thuê. Bên thuê tài chính sử dụng tài sản thuê tài chính và thanh toán tiền thuê trong suốt thời hạn thuê quy định trong hợp đồng cho thuê tài chính.

183

183

---

---

---

---

---

---

---

---



Các hoạt động của công ty CTTC

- Hoạt động ngân hàng
- Cho thuê tài chính
- Mở tài khoản
- Góp vốn, mua cổ phần
- Các hoạt động khác

184

184

---

---

---

---

---

---

---

---



Hoạt động ngân hàng của công ty CTTC

- Nhận tiền gửi của tổ chức
- Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn của tổ chức
- Vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật; vay Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn.
- Cho thuê tài chính
- Cho vay bổ sung vốn lưu động đối với bên thuê tài chính
- Cho thuê vận hành với điều kiện tổng giá trị tài sản cho thuê vận hành không vượt quá 30% tổng tài sản có của công ty cho thuê tài chính.
- Thực hiện hình thức cấp tín dụng khác khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

185

185

---

---

---

---

---

---

---

---



Cho thuê tài chính

- Hoạt động cho thuê tài chính là việc cấp tín dụng trung hạn, dài hạn trên cơ sở hợp đồng cho thuê tài chính và phải có một trong các điều kiện sau đây:
- Khi kết thúc thời hạn cho thuê theo hợp đồng, bên thuê được nhận chuyển quyền sở hữu tài sản cho thuê hoặc tiếp tục thuê theo thỏa thuận của hai bên;
- Khi kết thúc thời hạn cho thuê theo hợp đồng, bên thuê được quyền ưu tiên mua tài sản cho thuê theo giá danh nghĩa thấp hơn giá trị thực tế của tài sản cho thuê tại thời điểm mua lại;
- Thời hạn cho thuê một tài sản phải ít nhất bằng 60% thời gian cần thiết để khấu hao tài sản cho thuê đó;
- Tổng số tiền thuê một tài sản quy định tại hợp đồng cho thuê tài chính ít nhất phải bằng giá trị của tài sản đó tại thời điểm ký hợp đồng.

186

186

---

---

---

---

---

---

---

---



Mở tài khoản và góp vốn mua cổ phần của công ty cho thuê tài chính

- Công ty cho thuê tài chính có nhận tiền gửi phải mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước và duy trì trên tài khoản tiền gửi này số dư bình quân không thấp hơn mức dự trữ bắt buộc.
- Công ty cho thuê tài chính được mở tài khoản thanh toán tại ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
- Công ty cho thuê tài chính không được góp vốn, mua cổ phần, thành lập công ty con, công ty liên kết dưới mọi hình thức.

187

187

---

---

---

---

---

---

---

---



Các hoạt động khác của công ty CTTC

- Tiếp nhận vốn ủy thác của Chính phủ, tổ chức, cá nhân để thực hiện hoạt động cho thuê tài chính. Việc tiếp nhận vốn ủy thác của cá nhân thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
- Tham gia đấu thầu tín phiếu Kho bạc do Ngân hàng Nhà nước tổ chức.
- Mua, bán trái phiếu Chính phủ.
- Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối và ủy thác cho thuê tài chính theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
- Làm đại lý kinh doanh bảo hiểm.
- Cung ứng dịch vụ tư vấn trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, đầu tư cho bên thuê tài chính.

188

188

---

---

---

---

---

---

---

---



Phân biệt thuê tài chính và thuê hoạt động theo chuẩn mực kế toán VN

- Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu nội dung hợp đồng thuê tài sản thể hiện việc chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu tài sản. Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu nội dung của hợp đồng thuê tài sản không có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản.
- Bên cho thuê và bên thuê phải xác định thuê tài sản là thuê tài chính hay thuê hoạt động ngay tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.

189

189

---

---

---

---

---

---

---

---

**Phân biệt thuê tài chính và thuê hoạt động theo chuẩn mực kế toán**

- o Việc phân loại thuê tài sản là thuê tài chính hay thuê hoạt động phải căn cứ vào bản chất các điều khoản ghi trong hợp đồng. Ví dụ các trường hợp thường dẫn đến hợp đồng thuê tài chính là:
  - ✓ Bên cho thuê chuyển giao quyền sở hữu tài sản cho bên thuê khi hết thời hạn thuê;
  - ✓ Tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản, bên thuê có quyền lựa chọn mua lại tài sản thuê với mức giá ước tính thấp hơn giá trị hợp lý vào cuối thời hạn thuê.

190

190

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

**Phân biệt thuê tài chính và thuê hoạt động theo chuẩn mực kế toán**

- ✓ Thời hạn thuê tài sản chiếm phần lớn thời gian sử dụng kinh tế của tài sản cho dù không có sự chuyển giao quyền sở hữu;
- ✓ Tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản, giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu chiếm phần lớn giá trị hợp lý của tài sản thuê;
- ✓ Tài sản thuê thuộc loại chuyên dùng mà chỉ có bên thuê có khả năng sử dụng không cần có sự thay đổi, sửa chữa lớn nào.

191

191

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

**Các nguyên tắc kế toán với tài sản thuê tài chính**

- o **Đối với bên thuê**
  - ✓ Bên thuê ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản và nợ phải trả trên Bảng cân đối kế toán với cùng một giá trị bằng với giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản. Nếu giá trị hợp lý của tài sản thuê cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản thì ghi theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.
  - ✓ Khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính phải được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc.
  - ✓ Thuê tài chính sẽ phát sinh chi phí khấu hao tài sản và chi phí tài chính cho mỗi kỳ kế toán. Chính sách khấu hao tài sản thuê phải nhất quán với chính sách khấu hao tài sản cùng loại thuộc sở hữu của doanh nghiệp đi thuê.

192

192

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---



Các nguyên tắc kế toán với tài sản thuê tài chính

o Đối với bên cho thuê

- ✓ Bên cho thuê phải ghi nhận giá trị tài sản cho thuê tài chính là khoản phải thu trên Bảng cân đối kế toán bằng giá trị đầu tư thuần trong hợp đồng cho thuê tài chính.
- ✓ Đối với thuê tài chính phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu tài sản được chuyển giao cho bên thuê, vì vậy các khoản phải thu về cho thuê tài chính phải được ghi nhận là khoản phải thu vốn gốc và doanh thu tài chính.

193

193

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

Thuê hoạt động

- Cho thuê vận hành (Cho thuê hoạt động) là hình thức cho thuê tài sản, theo đó Bên thuê sử dụng tài sản cho thuê của Bên cho thuê trong một thời gian nhất định và sẽ trả lại tài sản đó cho Bên cho thuê khi kết thúc thời hạn thuê tài sản. Bên cho thuê giữ quyền sở hữu tài sản cho thuê và nhận tiền cho thuê theo hợp đồng cho thuê.
- o Một giao dịch cho thuê được xác định là cho thuê vận hành khi:
    - ✓ Quyền sở hữu tài sản cho thuê không được chuyển giao cho Bên thuê khi kết thúc hợp đồng cho thuê vận hành.
    - ✓ Hợp đồng cho thuê không quy định việc thoả thuận mua tài sản cho thuê giữa Bên cho thuê và Bên thuê.
    - ✓ Thời hạn thuê chỉ chiếm một phần trong khoảng thời gian hữu dụng của tài sản cho thuê. Tổng giá trị tiền thuê chỉ chiếm một phần trong giá trị tài sản cho thuê.

194

194

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

Nguyên tắc hạch toán đối với thuê hoạt động

- o Bên cho thuê phải ghi nhận tài sản cho thuê hoạt động trên Bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của doanh nghiệp. Tài sản cho thuê không được coi là tài sản trong bảng cân đối kế toán của Bên thuê
- o Chi phí cho thuê hoạt động, bao gồm cả khấu hao tài sản cho thuê, được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi phát sinh. Số tiền thuê được coi là thu nhập của Bên cho thuê và là chi phí hoạt động của Bên thuê.
- o Khấu hao tài sản cho thuê phải dựa trên một cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

195

195

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

### Các loại hình CTTC

- Cho thuê cò sỡ tham gia của hai bên
- Cho thuê cò sỡ tham gia của ba bên
- Cho thuê hợp tài ( Leveraged lease)
- Mua vàø cho thuê lại (Buying and Lease back)

196

---

---

---

---

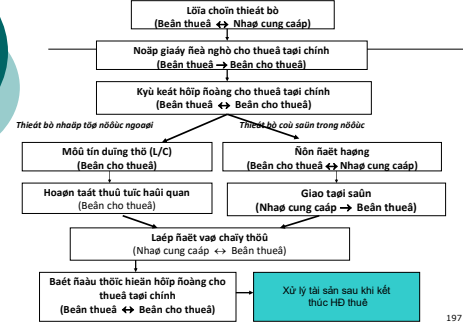
---

---

---

---

### Quy trình nghiệp vụ CTTC



197

---

---

---

---

---

---

---

---

### Quy trình nghiệp vụ CTTC

- ❖ Xử lý tài sản sau khi kết thúc hợp ñồng thuê :
- ✓ Chuyển quyền sở hữu tài sản cho người thuê.
- ✓ Bán tài sản cho người thuê.
- ✓ Cho thuê tiếp
- ✓ Người đi thuê trả lại tài sản.

198

---

---

---

---

---

---

---

---